



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
THƯ MỜI**

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ trân trọng kính mời toàn thể Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024:

- ✓ **Thời gian:** Bắt đầu lúc **14 giờ 00**, ngày **10 tháng 04 năm 2024**.
- ✓ **Địa điểm:** Hội trường lầu 7, Tòa nhà PVFCCo, Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- ✓ **Chương trình nghị sự và Giấy ủy quyền tham dự Đại hội:** Quý cổ đông vui lòng tham khảo tại website Công ty: www.pse.vn
- ✓ **Tài liệu Đại hội:** Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2024 được Công ty đăng tải, cập nhật (nếu có) trên website Công ty theo đúng thời hạn quy định của Luật Doanh nghiệp.
- ✓ **Điều kiện tham dự Đại hội:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của PVFCCo PSE theo danh sách cổ đông chốt ngày **18/03/2024** hoặc người được ủy quyền tham dự hợp lệ.
- ✓ **Đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:** Để công tác chuẩn bị được chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự Đại hội (theo Phiếu đăng ký đính kèm) và gửi về địa chỉ: Lầu 9, Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh hoặc số Fax: 028. 35111666 trước 12h00, ngày **08/04/2024**.

Ghi chú:

- Quý cổ đông vui lòng mang theo Thư mời và Giấy CMND/thẻ căn cước (hoặc hộ chiếu) để đối chiếu. Trường hợp ủy quyền cho người khác tham dự, người được ủy quyền cần mang thêm bản gốc Giấy ủy quyền (theo mẫu đính kèm).

Rất hân hạnh được đón tiếp!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ



Tên cổ đông:

CMND/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD số:..... cấp ngày:..... tại:.....

Địa chỉ :.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần sở hữu:

Xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ tổ chức ngày 08/04/2024.

Trân trọng.

....., ngày tháng năm 2024

Người đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Kính gửi: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ



1. Thông tin bên ủy quyền:

Họ tên cổ đông/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD	Số cổ phần sở hữu

2. Thông tin bên được ủy quyền:

STT	Họ tên người được ủy quyền	Số CMND/Hộ chiếu	Số cổ phần được ủy quyền	Ký tên xác nhận của người được ủy quyền
1				
2				
....				

Hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị.

STT	Họ tên người được ủy quyền	Chức vụ	Số cổ phần được ủy quyền	Ghi chú
1	Phạm Hùng	Chủ tịch HĐQT		
2	Lê Đức Thuận	TV HĐQT		
3	Nguyễn Quang Tuấn	TV HĐQT		

Lưu ý:

- Người nhận ủy quyền thay mặt cổ đông tham dự Đại hội và biểu quyết đúng bằng số phiếu mà cổ đông ủy quyền biểu quyết theo bảng trên.
- Trong trường hợp không có người đại diện ủy quyền tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho một trong số các Thành viên HĐQT Công ty.
- Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2024. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.
- Người được ủy quyền khi tham dự Đại hội cần mang theo CMND và giấy ủy quyền bản gốc để Ban thẩm tra tư cách cổ đông đối chiếu và xác nhận.

Người ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐU KHÍ CÔNG NAM B

D T H O

TÀI LI U
TH I NG C ÔNG
PHIÊN H P TH NG NIÊN 2024

TP. H Chí Minh, ngày 10 tháng 04 n m 2024

TP. H Chí Minh, ngày 10 tháng 04 n m 2024

CH NG TRÌNH NGH S
I H I NG C ÔNG PHIÊN H P TH NG NIÊN 2024

Th i gian	N i dung	Th i l ng
14h00 - 14h30	<ul style="list-style-type: none">- ón ti p i bi u và Quý c ông;- Ki m tra t cách c ông.	30 phút
14h30 - 14h45	<ul style="list-style-type: none">- Chào c ;- Tuyên b lý do, gi i thi u i bi u, thành ph n tham d , quy ch làm vi c c a i h i;- Báo cáo th m tra t cách c ông, tuyên b tính h p pháp, h p l c a i h i;- Gi i thi u oàn ch t ch, T th ký i h i.	15 phút
14h45 - 14h50	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Ch ng trình ngh s ;- Thông qua Danh sách t ki m phi u.	5 phút
14h50 - 15h00	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua vi c i u ch nh m t s ch tiêu K ho ch kinh doanh n m 2023.- Báo cáo c a Ban Giám c v ho t ng kinh doanh n m 2023 và K ho ch n m 2024.	10 phút
15h00 - 15h10	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo ho t ng c a H i ng qu n tr n m 2023 và k ho ch n m 2024.	10 phút
15h10 - 15h20	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo ho t ng c a BKS n m 2023, k ho ch ho t ng 2024 và xu t l a ch n n v ki m toán n m 2024.	10 phút
15h20 - 15h30	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo tài chính n m 2023 – Ph ng án phân ph i l i nhu n n m 2023 và K ho ch phân ph i l i nhu n n m 2024;- Báo cáo thù lao, l ng, th ng n m 2023 c a H QT và BKS, K ho ch thù lao, l ng, th ng n m 2024 c a H QT và BKS.	10 phút
15h30 - 15h35	<ul style="list-style-type: none">- T trình v/v ch p thu n ch tr ng ký k t các h p ng, giao d ch v i c ông l n là T ng Công ty Phân bón và Hóa ch t D u khí – CTCP.	5 phút
15h35 - 15h40	<ul style="list-style-type: none">- H ng d n cách th c ki m phi u, cách th c bi u quy t.	5 phút
15h40 - 15h55	<ul style="list-style-type: none">- Ngh gi i lao.	15 phút

Th i gian	N i dung	Th i l i ng
15h55 – 16h15	- Th o lu n và gi i áp các ý ki n c a c ông.	20 phút
16h15 – 16h25	- Hoàn t t b phi u.	10 phút
16h25 – 16h35	- Phát bi u c a khách m i	10 phút
16h35 – 16h40	- Ban ki m phi u báo cáo k t qu ki m phi u.	5 phút
16h40 – 16h50	- Thông qua Ngh quy t i h i.	10 phút
16h50 – 17h00	- B m c i h i.	10 phút

TÀI LI U
PHIÊN H P I H I NG C ÔNG TH NG NIÊN
N M 2024

TT	N IDUNG TÀI LI U
1.	- Ch ng trình ngh s
2.	- Quy ch làm vi c
3.	- Thông qua vi c i u ch nh m t s ch tiêu K ho ch kinh doanh n m 2023. - Báo cáo c a Giám c v ho t ng n m 2023 và các ch tiêu k ho ch n m 2024
4.	- Báo cáo v ho t ng c a H i ng qu n tr n m 2023 và k ho ch ho t ng n m 2024
5.	- Báo cáo ho t ng Ban Ki m soát n m 2023, k ho ch ho t ng n m 2024 và xu t l a ch n n v ki m toán Báo cáo tài chính n m 2024.
6.	- Báo cáo tài chính n m 2023, ph ng án phân ph i l i nhu n n m 2023 và k ho ch phân ph i l i nhu n n m 2024
7.	- Báo cáo ti n l ng, thù lao và các l i ích khác n m 2023 c a H i ng qu n tr , Ban Ki m soát, trình d toán cho n m 2024
8.	- T trình v/v ch p thu n ch tr ng ký k t các h p ng giao d ch v i c ông l n là T ng Công ty Phân bón và Hóa ch t D u khí – CTCP.

QUY CHẾ LÀM VIỆC TỔNG HÀNH SÁNG CÔNG

I. Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và tuân thủ các quy định của Pháp luật, nội quy Công ty;
- Tạo điều kiện cho công tác tổ chức, tiến hành hiệu quả công thành công.

II. Yêu cầu tham gia hiệu quả công:

- Công nhân có thể yêu cầu cho đi nghỉ của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quy định của mình. Người yêu cầu không nhất thiết phải là công nhân của Công ty. Người yêu cầu thực hiện các quy định trong phạm vi yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế này. Người yêu cầu không yêu cầu lợi ích cho người khác.
- Việc đi nghỉ và yêu cầu, thay đổi đi nghỉ và người yêu cầu phải thực hiện đúng theo đúng quy định.

III. Trách nhiệm của hiệu quả:

- Tất cả các công nhân tham gia hiệu quả nhân viên, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy phép và các giấy tờ khác liên quan để xác minh theo cách riêng biệt.
- Không hút thuốc lá trong phòng hiệu quả.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc đi nghỉ hiệu quả. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt chuông.

IV. Biện pháp thông qua các vấn đề hiệu quả:

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong quá trình nghỉ của hiệu quả (trừ các vấn đề thông qua bảng hình thức báo phiếu kín) đều được thông qua bằng cách lý luận kiến nghị quy tắc công khai tất cả công nhân. Mọi công nhân khi tham gia hiệu quả cấp mặt Phiếu báo quy tắc (các nội dung được thông qua bằng hình thức báo phiếu kín) có in mã vạch thực hiện kiểm tra báo công nhân thông tin.

Công nhân dự định phải có quy định ký ngay và sau đó có quy định tham gia và báo quy tắc các nội dung tiếp theo theo hiệu quả. Chưa có trách nhiệm đối với hiệu quả cho công nhân dự định ký và nội dung của các báo quy tắc đã tiến hành trừ khi công nhân dự định không báo hiệu quả.

2. **Cách bi u quy t:** Công bi u quy t (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) t ng v n b ng cách ánh d u vào ô t ng ng trong Phi u bi u quy t, sau ó chuy n l i Phi u bi u quy t cho Ban t ch c. i v i nh ng c ông ã nh n phi u bi u quy t nh ng không t n hành b phi u, s c ph n do c ông ó i di n/s h u/ c y quy n s c tính là bi u quy t “Không ý kiến”.

3. **Th i i m bi u quy t:** Ngay sau khi k t thúc ph n th o lu n, các c ông chuy n Phi u bi u quy t v cho Ban t ch c. Trong quá trình h p, các c ông có th bi u quy t tr c các n i dung và chuy n Phi u bi u quy t cho Ban t ch c.

4. **Ki m phi u:**

Ban ki m phi u g m 3 thành viên do oàn ch t ch xu t và c i h i ng c ông thông qua. Ban ki m phi u t n hành công vi c thu phi u, ki m phi u v i s tr giúp c a t giúp vi c.

Trong tr ng h p c n thi t, oàn ch t ch s m i i di n quý v c ông d h p tham gia giám sát quá trình thu phi u và ki m phi u bi u quy t v i Ban ki m phi u.

V. **Phát bi u ý ki n, th o lu n n i dung và gi i áp các th c m c t i i h i:**

1. **Nguyên t c:** Công tham d i h i khi mu n phát bi u ý ki n th o lu n ph i ng ký n i dung phát bi u và c s ng ý c a oàn Ch t ch.

2. **Cách th c phát bi u:**

C ông phát bi u ng n g n và t p trung vào úng nh ng n i dung tr ng tâm c n trao i, phù h p v i n i dung ch ng trình ngh s c a i h i ã c thông qua. oàn Ch t ch s s p x p cho c ông phát bi u theo th t ng ký, ng th i gi i áp các th c m c c a c ông.

VI. **Trách nhi m c a oàn Ch t ch:**

1. i u khi n i h i theo úng ch ng trình ngh s , các th l quy ch ã c i h i thông qua. oàn Ch t ch làm vi c theo nguyên t c t p trung dân ch và quy t nh theo a s .

2. H ng d n i h i th o lu n, l y ý ki n bi u quy t các v n n m trong n i dung ch ng trình ngh s c a i h i và các v n có liên quan trong su t quá trình i h i.

3. Gi i quy t các v n n y sinh trong su t quá trình i h i.

VII. **Trách nhi m c a T th ký:**

1. Ghi chép y , trung th c toàn b n i dung di n bi n i h i và nh ng v n ã c các c ông thông qua ho c còn l u ý c a i h i.

2. T p h p v n b n ý ki n c a c ông.

3. So n th o Biên b n h p i h i và các Ngh quy t v các v n ã c thông qua t i i h i ng c ông.

VIII. Trách nhiệm của T kiểm phi u:

1. Ph b n th l và nguyên t c bi u quy t.
2. Phát và thu phi u bi u quy t, t n hành ki m phi u; l p, xác nh k t qu bi u quy t c c ông v các v n thông qua t i i h i.
3. Xem xét và báo cáo v i i h i quy t nh nh ng tr ng h p vi ph m th l b u c ho c n khi u n i v b u c .
4. Thông báo k t qu bi u quy t và b u c cho T th ký.

**TM. I H I NG C ÔNG
CH T CH H QT**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2024.

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đu Khí Đông Nam B

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần
Phân bón và Hóa chất Đu Khí Đông Nam B

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đu Khí Đông Nam B (PSE) đã được sửa đổi, bổ sung và phiên hành Ban Giám đốc Công ty thông qua ngày 10/6/2022;

Tại Ban Giám đốc Công ty (Hội đồng) thông qua năm 2023 từ ngày 21/04/2023, Hội đồng đã thông qua các chỉ tiêu cơ bản về Kế hoạch kinh doanh năm 2023. Tuy nhiên, năm 2023, do tình hình cạnh tranh trên thị trường phân bón ngày càng trở nên gay gắt, các công ty kinh doanh phân bón nói chung và PSE nói riêng gặp nhiều khó khăn. Do vậy, trên cơ sở đánh giá tình hình kinh doanh thực tế của công ty cân nhắc lợi ích của PSE và các công đồng, Ban Giám đốc PSE kính trình Hội đồng thông qua việc đề nghị các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023		Chênh lệch
			Kế hoạch năm	Kế hoạch nội bộ	
I	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	327,500	320,800	(6,700)
1	Ure Phú M	"	180,000	215,000	35,000
2	NPK Phú M	"	59,000	42,500	(16,500)
3	Các sản phẩm tổng hợp Ure	"	3,000	1,900	(1,100)
4	Phân bón thông dụng PM	"	45,000	20,000	(25,000)
5	Các loại phân bón khác	"	40,500	41,400	900
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4,363.47	3,091.26	(1,272.21)
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	4,333.37	3,076.11	(1,257.26)
	Trong đó:				
	Chi phí quản lý	"	24.11	22.45	(1.66)
	Chi phí bán hàng (không nội bộ)				
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30.10	15.15	(14.95)
V	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24.08	12.04	(12.04)

TT	Ch tiêu	n v tính	N m 2023		Chênh l ch
			K ho ch c n m	K ho ch i u ch nh	
VI	Các ch tiêu khác				
	Trích qu KTPL	T ng	4,82	2,41	(2,41)
	T l chia c t c	%	11	8	(3)

Các n i dung khác c a K ho ch kinh doanh n m 2023 c a PSE gi
nguyên nh Ngh quy t s 06/NQ- NB, ngày 07/02/2023 ã thông qua t i
phiên h p H C th ng niên ngày 21/04/2023.

H i ng qu n tr kính trình i h i.

Trân tr ng!

N i nh n:

- H C ;
- L u VT, H QT.

**TM. H I NG QU N TR
CH T CH**

Số: /BC- NB

TP. HCM, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Tính đến hết ngày 31/12/2023

PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH NĂM 2023

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

1. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023

- Căn cứ vào Nghị quyết số 06/NQ- NB ngày 07/02/2023 của HĐQT Công ty về việc chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty;
- Căn cứ tình hình kinh doanh phân bón thực tế 10 tháng đầu năm 2023, diễn biến sản lượng tiêu thụ và giá bán phân bón 2 tháng cuối năm 2023, Ban Giám đốc Công ty đã cân nhắc và kiến nghị HĐQT xem xét chấp thuận cho Công ty điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2023 nhằm đảm bảo quy định của ngành nông nghiệp và các công đồng.
- Ngày 28/12/2023, HĐQT Công ty đã ra Nghị quyết số 123/NQ-DNB về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty như sau:

Stt	Chỉ tiêu	VT	Năm 2023		Tăng/Giảm
			Kế hoạch giao	Thực hiện	
1	Các chỉ tiêu sản lượng:				
	Tổng sản lượng	Tổng	327.500	320.800	(6.700)
	- Urê Phú M	Tổng	180.000	215.000	35.000
	- NPK PM	Tổng	59.000	42.500	(16.500)
	- Phân bón thặng dư PM	Tổng	3.000	1.900	(1.100)
	- Phân bón thặng dư hiu PM	Tổng	45.000	20.000	(25.000)
	- Các loại phân bón khác	Tổng	40.500	41.400	900
2	Các chỉ tiêu tài chính				
2.1	- Tổng doanh thu	tăng	4.363,47	3.091,26	(1.272,21)
2.2	- Tổng chi phí		4.333,37	3.076,11	(1.257,26)
	Trong đó:				
	Chi phí bán hàng (không điều chỉnh)				
	Chi phí quản lý		24,11	22,45	(1,66)
2.3	- Lợi nhuận trước thuế	tăng	30,10	15,15	(14,95)
2.4	- Lợi nhuận sau thuế	tăng	24,08	12,04	(12,04)

Stt	Ch tiêu	VT	N m 2023		T ng/Gi m
			K ho ch c giao	K ho ch i u ch nh	
2.5	- N p NSNN	t ng	7,66	6,39	(1,27)
2.6	- T l chia c t c	%	11	8	(3)

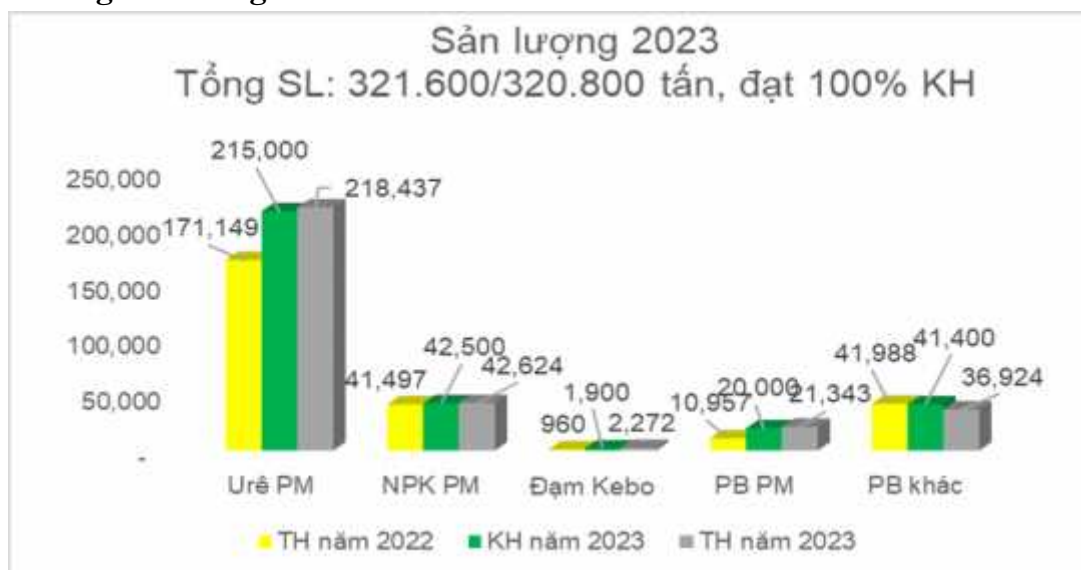
- Các n i dung khác c a K ho ch kinh doanh n m 2023 gi nguyên theo Ngh quy t s 06/NQ- NB ngày 07/02/2023 c a H QT Công ty v vi c ch p thu n k ho ch kinh doanh n m 2023 c a Công ty.

2. K t qu th c hi n các ch tiêu k ho ch

STT	Ch tiêu	VT	N m 2022	N m 2023		T l %	
				K ho ch KH n m	Th c hi n n m	So v i KH n m	So v i cùng k n m tr c
A	B	C	I	2	3	4=3/2	5=3/1
1	S n l ng KD	T n	266,550	320,800	321,601	100%	121%
1.1	Phân bón th ng hi u Phú M	"	224,562	259,400	263,333	102%	117%
1.1.1	- Urê Phú M	"	171,149	215,000	218,437	102%	128%
1.1.2	- NPK s n xu t	"	41,497	42,500	42,624	100%	103%
1.1.3	- m Kebo PM	"	960	1,900	2,272	120%	237%
1.2	- Phân bón PM khác	"	10,957	20,000	21,343	107%	195%
	+ Kali Phú M	"	10,923	20,000	21,343	107%	195%
1.3	PB t doanh	"	41,988	41,400	36,925	89%	88%
2	T ng doanh thu	T .	3,758.6	3,091.3	3,137.6	101%	83%
2.1	Phân bón th ng hi u Phú M	"	3,324.7	2,589.5	2,642.0	102%	79%
2.1.1	- Urê Phú M	"	2,518.1	2,034.7	2,080.4	102%	83%
2.1.2	- NPK s n xu t	"	625.0	535.8	539.0	101%	86%
	- m Kebo PM	"	15.2	19.0	22.7	119%	149%
2.1.3	- Phân bón PM khác	"	166.4	209.0	219.2	105%	132%
	+ Kali Phú M	"	166.1	209.0	219.2	105%	132%
2.2	PB t doanh	"	398.0	257.6	243.8	95%	61%
2.3	Tài chính	"	0.4	0.2	0.1	56%	30%
2.4	Khác	"	35.5	34.9	32.4	93%	91%
3	T ng chi phí	T .	3,731.8	3,076.1	3,122.1	101%	84%
3.1	Giá v n	"	3,666.1	3,015.3	3,060.6	102%	83%
3.2	Chi phí bán hàng	"	43.3	37.5	37.6	100%	87%
3.3	Chi phí qu n lý	"	21.4	22.5	22.4	100%	105%
3.4	Chi phí tài chính	"	1.0	0.9	1.4	155%	145%
3.5	Chi phí khác	"	3.0		-	0%	0%
4	LN tr c thu	T .	26.83	15.15	15.45	102%	58%
5	LN sau thu	T .	21.31	12.04	12.07	100%	57%

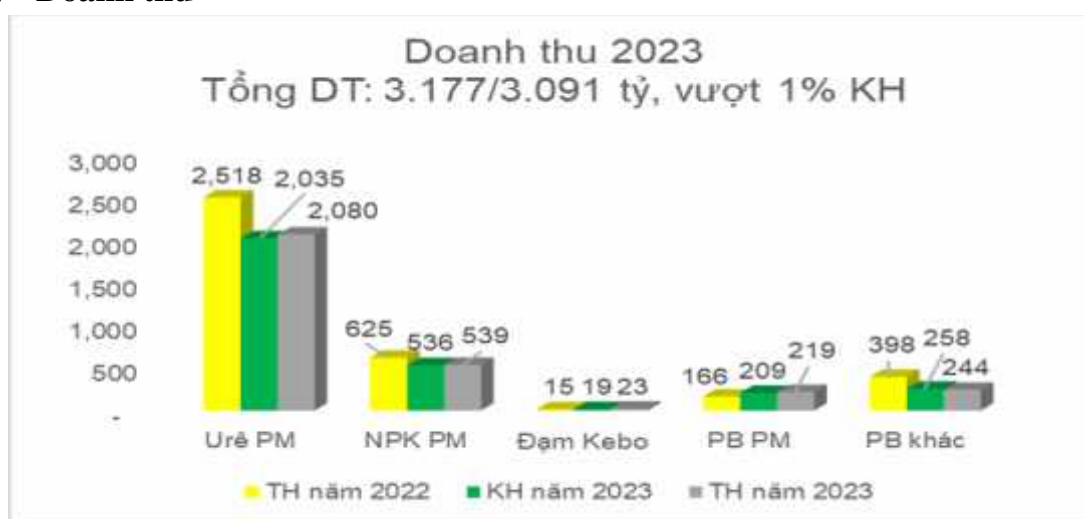
STT	Ch tiêu	VT	N m 2022	N m 2023		T l %	
				K ho ch KH n m	Th c hi n n m	So v i KH n m	So v i cùng k n m tr c
A	B	C	I	2	3	4=3/2	5=3/1
6	V n CSH	T .	179.8	165.4	166.2	95%	92%
7	T l LNST/V n CSH	%	11.9%	7.3%	7.3%	5876%	61%
8	T ng N , trong ó:		-				
	N ph i tr	T .	138.94	114.62	114.92	109%	83%
	N ph i thu, trong ó:	"	147.65	-	196.54	0%	133%
	N n h n	"	147.65	-	196.54	0%	133%
	N quá h n	"	-	-	-	0%	0%
	N khó òi	"	-	-	-	0%	0%
9	T ng tài s n	T ng	314.26	280.00	281.15	54%	89%
	Tài s n ng n h n	"	293.42	250.00	259.37	113%	88%
	Tài s n dài h n	"	20.85	30.00	21.78	73%	104%
10	Thu và các kho n ph i n p NSNN	T ng	7.25	6.39	6.25	98%	86%
	Thu TNDN	"	4.18	3.03	3.38	111%	81%
	Các lo i thu và phí khác	"	3.07	3.36	2.87	85%	94%
11	Các ch tiêu khác		-	-	-	0%	0%
	S lao ng cu i k	Ng i	64	64	65	102%	102%
	S lao ng bình quân	Ng i	64	64	65	102%	102%
	Thu nh p bình quân	Tr /ng/th	32.13	32.4	33.96	105%	106%
	N ng su t lao ng (theo DT)	Tr /ng/th	4,894	4,025	4,023	100%	82%
	S l t ào t o	L.ng i	155	129	209	163%	135%
	Kinh phí ào t o	T ng	0	0.50	0.18	36%	53%
12	Ti t ki m ch ng lã ng phí	T ng	0.96	1.29	1.38	107%	144%

❖ V T ng s n l ng

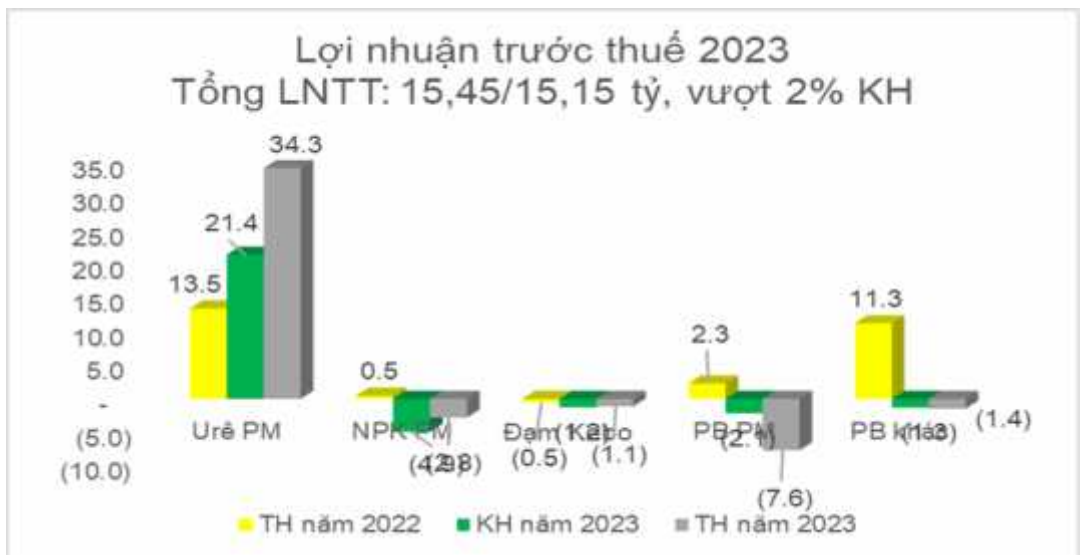


- ✓ Tổng sản lượng thực hiện là 321.600 tấn/320.800 tấn kế hoạch, đạt 100% kế hoạch, bằng 121% thực hiện năm 2022. Trong đó:
 - Urê Phú Mỹ tiêu thụ 218.437 tấn/215.000 tấn kế hoạch, vượt 2% kế hoạch;
 - Phân bón NPK Phú Mỹ tiêu thụ 42.624 tấn/42.500 tấn kế hoạch, đạt 100% kế hoạch, bằng 103% năm 2022;
 - Phân bón đạm Kebo Phú Mỹ tiêu thụ 2.272 tấn/1.900 tấn, vượt 20% kế hoạch;
 - Phân bón thành phẩm Phú Mỹ tiêu thụ 21.343 tấn/20.000 tấn kế hoạch, vượt 7% kế hoạch;
 - Các loại phân bón khác tiêu thụ 36.924 tấn/41.400 tấn, đạt 89% kế hoạch. Nguyên nhân: Do các tháng cuối năm Công ty tập trung tiêu thụ hàng thành phẩm Phú Mỹ.

❖ **V Doanh thu**



- ✓ Tổng doanh thu thực hiện là 3.177 tỷ VND/3.091 tỷ VND, vượt 1% kế hoạch, bằng 83% cùng kỳ năm 2022. Trong đó:
 - Urê Phú Mỹ là 2.080 tỷ VND/2.035 tỷ VND, vượt 2% kế hoạch;
 - Phân bón NPK Phú Mỹ là 539 tỷ VND/536 tỷ VND, vượt 1% kế hoạch;
 - Phân bón đạm Kebo Phú Mỹ là 23 tỷ VND/19 tỷ VND, vượt 19% kế hoạch;
 - Phân bón thành phẩm Phú Mỹ là 219 tỷ VND/209 tỷ VND, vượt 5% kế hoạch;
 - Phân bón khác là 244 tỷ VND/258 tỷ VND, đạt 95% kế hoạch. Nguyên nhân: Do sản lượng tiêu thụ không đạt kế hoạch;
 - Doanh thu tài chính 0,1 tỷ VND/0,2 tỷ VND kế hoạch, đạt 56% kế hoạch;
 - Doanh thu khác 32 tỷ VND/35 tỷ VND kế hoạch, đạt 93% kế hoạch.
- ❖ **L i n h u n t r ợ c t h u** : 15,45 tỷ VND/15,15 tỷ VND, vượt 2% kế hoạch.



- ❖ N p ngân sách nhà n c: 6,25 t ng/6,39 t ng, t 98% k ho ch.
- ❖ T su t l i nhu n sau thu trên v n i u l là 9,7%, trên v n ch s h u là 7,3%.
- ❖ K t qu công tác mua s m: c th c hi n là 3,8 t ng, t 28% k ho ch.
- ❖ T i t k i m ch ng lãng phí: c th c hi n 1,38 t , v t 7% k ho ch.
- ❖ ào t o: c th c hi n 209 l t ng i, v t 63% k ho ch. Kinh phí ào t o 0,18 t ng, t 36% k ho ch.

II. ánh giá k t qu t c n m 2023

❖ *Tình hình chung trong n m 2023*

- Theo báo cáo tình hình kinh t - xã h i quý IV và n m 2023 c T ng c c Th ng kê, B K ho ch và u t công b t i h p báo sáng ngày 29/12/2023, tình hình kinh t - xã h i n c ta n m 2023 ti p t c xu h ng ph c h i, kinh t v mô n nh, l m phát trong t m k i m soát, các cân i l n c m b o, nhi u k t qu quan tr ng trên các l nh v c t c m c tiêu ra và ti p t c là i m sáng v kinh t trong khu v c và trên th gi i. Nhìn t phía t ng cung c a n n kinh t , n m 2023 v n có s t ng tr ng nh ng m c y u và khá thi u ch c ch n khi chuy n ti p sang n m 2024. GDP n m 2023 c tính t ng 5,05% so v i n m tr c. Trong m c t ng t ng giá tr t ng thêm toàn n n kinh t , khu v c nông, lâm nghi p và th y s n t ng 3,83%, óng góp 8,84%; khu v c công nghi p và xây d ng t ng 3,74%, óng góp 28,87%; khu v c d ch v t ng 6,82%, óng góp 62,29%.
- Trong n m 2023, th tr ng phân bón t i Vi t Nam ã có nhi u bi n ng và thách th c do nh h ng c a các y u t b t n trên th gi i. S n l ng s n xu t và xu t nh p kh u phân bón u gi m so v i n m 2022, trong khi giá phân bón ã gi m so v i nh i m n m tr c nh ng v n m c cao h n so v i tr c i d ch COVID-19. Giá các lo i phân bón n m 2023 có xu h ng gi m sâu t u n m n cu i n m (tr ure gi m xu ng áy vào tháng 6/2023 và b t t ng cu i n m) ã gây khó kh n cho các doanh nghi p s n xu t và kinh doanh phân bón trong vi c chu n b ngu n hàng.
- Giá nông s n th p/t ng không theo k p s t ng giá c a giá thành s n xu t (do giá nguyên v t li u t ng cao), ng i nông dân l /hi u qu th p trong canh tác,

thi u ngu n v n tái u t canh tác. Nhu c u phân bón vì v y c ng gi m theo.

- Bị n i khí h u ang ngày càng tác ng x u n n n kinh t c a Vi t Nam, c bi t là i v i s n xu t nông nghi p. Tình hình th i ti t khí h u khu v c NB di n bi n khó l ng: khô h n, thi u n c xâm nh p m n kéo dài t i nhi u khu v c v i m c ngày càng nghiêm tr ng.

❖ **Ho t ng kinh doanh**

- Th tr ng trong n m ch a có d u hi u kh quan nh ng Công ty v n tranh th c h i thúc y tiêu th t i a s n l ng theo k ho ch, i u ng hàng v úng khu v c, tránh hi n t ng bán ch ng l n, p giá l n nhau, nh m n nh th tr ng, t i u hóa hi u qu kinh doanh c a Công ty và khách hàng. Tuy nhiên, do giá các lo i phân bón có xu h ng gi m sâu t u n m n cu i n m nên công tác chu n b ngu n hàng g p nhi u khó kh n. Nhi u lô hàng giá bán th p h n giá v n d n n kinh doanh không hi u qu /l nh h ng n k t qu kinh doanh c a Công ty.
- Công ty c ng t n d ng c h i khi Trung Qu c h n ch xu t kh u ure t tháng 7/2023 ã tri n khai nhi u bi n pháp nh m t ng s n l ng tiêu th c ng nh chi m l nh thêm th tr ng m t hàng Ure Phú M . K t qu t c v t ngoài s k v ng c a Công ty, s n l ng tiêu th m t hàng Ure Phú M n m 2023 ã v t **28%** so v i n m 2022.
- Công ty ã th c hi n các gi i pháp v h tr khách hàng bán hàng nh : tri n khai các ch ng trình h i th o gi i thi u s n ph m k t h p bán hàng; tri n khai các ch ng trình t ng quà T t cho ng i nghèo; th ng xuyên th m h i, chia s h tr các khách hàng bán hàng c ng ã góp ph n thúc y bán gia t ng thêm s n l ng.

❖ **Công tác ti p th và truy n thông, an sinh xã h i**

- Ph i h p v i TCT xây d ng và th c hi n các ch ng trình marketing phù h p v i c thù khu v c, v i m c tiêu h ng n C a hàng c p 2, ng i tiêu dùng.
- Tri n khai các cu c h i ngh , h i ngh , bán hàng tr c ti p t i các t nh tr ng i m tri ân khách hàng; tri n khai các chính sách bán hàng, gi i thi u, qu ng bá các s n ph m m i, ti n d án NPK PM... t i khách hàng C1, C2. ây là ho t ng mang l i nhi u hi u qu và ý ngh a, là c u n i gi a Công ty và C1, C2.
- a d ng các kênh thông tin, qu ng cáo gi i thi u s n ph m NPK Phú M t i ng i s d ng/bà con nông dân (trên ph ng ti n giao thông, pano n i công c ng, kho/c ng, ph ng ti n phát thanh truy n hình, các c quan chuyên môn nh s nông nghi p, trung tâm khuy n nông, b o v th c v t...).
- Làm vi c v i t ng i lý/khách hàng xác nh rõ nhu c u n v t ph m qu ng cáo, t ó ph i h p v i Ban TTTT T ng Công ty th ng nh t k ho ch chi ti t và cách th c tri n khai cung c p n v t ph m cho i lý/khách hàng.

- K t h p công tác ASXH v i công tác t i p th truy n thông nh m kh ng nh và qu ng bá th ng hi u “Phân bón Phú M ”.
- Tích c c h ng ng, tham gia công tác an sinh xã h i, t thi n, nhân o khác.

❖ **Công tác T ch c – hành chính**

- Công ty t i p t c rà soát h th ng các quy ch , quy nh c p nh t, s a i cho phù h p v i i u l , Lu t Doanh nghi p m i và tình hình th c t t i Công ty.
- T i p t c rà soát l i c c u, ch c n ng, nhi m v c a các Phòng/ n v nh m áp ng c yêu c u nhi m v .
- T u n m 2023, Công ty c ng ã chú tr ng b i d ng các ki n th c, k n ng chuyên môn nghi p v cho cán b c p qu n lý và ào t o th ng xuyên cho CB.NV c p chuyên môn góp ph n nâng cao n ng l c công tác, thay i phong cách làm vi c theo h ng tích c c. K t qu ào t o, b i d ng CB.NV n m 2023 nh sau:
 - o S l t ng i ào t o: 209 l t ng i v t 63% so v i k ho ch;
 - o T ng kinh phí ào t o: 180 tri u t 36% so v i k ho ch.
- Công tác tuy n d ng, rà soát, s p x p, b trí luân chuy n cán b c coi tr ng theo nh h ng nâng cao n ng su t lao ng. u tiên s d ng ngu n nhân l c n i b , h n ch vi c tuy n d ng m i trên c s s p x p, b trí nhân s h p lý.
- T i p t c duy trì h th ng QLCL (ISO) và nghiê n c u a ra các gi i pháp công tác này ph i i vào th c ch t h n, tuân th các quy trình/quy ch ã ban hành, tri n khai ánh giá tái c p ch ng nh n.

❖ **Công tác lao ng, t i n l ng và ch chính sách**

- Công ty ã xây d ng và ban hành NQL , T L TT, Quy ch i tho i nh k , Quy ch H i ngh NL theo quy nh m i phù h p v i B lu t Lao ng, tình hình SXKD th c t và ã ng ký v i S Lao ng – Th ng binh và Xã h i Thành ph H Chí Minh theo quy nh.
- Công ty ã th c hi n y các qui nh hi n hành c a B Lu t lao ng và T ng Công ty i v i các ch chính sách cho ng i lao ng. óng và k p th i BHXH, BHYT, BHTN cho ng i lao ng. Tr l ng, th ng theo quy nh c a Công ty úng th i h n;
- ã áp d ng cách th c chi tr l ng th ng g n v i hi u qu ho t ng SXKD c a Công ty hàng tháng.
- N m 2023 Công ty ã th c hi n y các ch chính sách v i Ng i lao ng theo H p ng lao ng, Th a c lao ng t p th .

❖ **K t qu tri n khai công tác xây d ng Chi n l c phát tri n, k ho ch 5 n m và công tác Chuy n i s**

- Công ty ang tri n khai công tác xây d ng Chi n l c phát tri n, k ho ch 5 n m phù h p v i Chi n l c và nh h ng phát tri n c a T ng Công ty. Công ty ã ký h p ng t v n xây d ng t m nhìn chi n l c ngày

01/12/2023 v i Công ty c ph n Brainmark Vi t Nam xây d ng chi n l c phát tri n n n m 2030 và t m nhìn n n m 2035.

- T tháng 06/2022 Công ty ã tri n khai áp d ng ph n m m qu n lý DMS riêng c a Công ty cho các nhân s CBTT. M c tiêu Công ty a ra giai o n u qu n lý th i gian, kh i l ng công vi c c a CBTT, c p nh t h th ng NPP C1, C2, C3 lên h th ng ch m sóc, thu n l i cho công tác bán hàng và CBTT làm quen v i ph n m m tr c khi TCT áp d ng chung ph n m m DMS t i các CTVM.
- T ngày 01/07/2022 TCT ã tri n khai ph n m m qu n lý v n t i TMS qu n lý các ph ng ti n v n chuy n. Sau th i gian áp d ng Công ty ánh giá vi c ch p hành c a các n v v n chuy n khá t t, ph ng ti n c b n v úng a bàn theo quy nh.
- Vi c áp d ng h th ng VPS xuyên su t t 2021 n nay ã h tr t t cho công tác qu n lý, bán hàng.
- T n m 2021 Công ty t o các Group riêng cho t ng khu v c/ a bàn, t ng NPP C1 trao i, chia s thông tin. Th ng xuyên h p/trao i tr c tuy n v i qua ph n m m Google Meet, Zalo... v i NPP C1, C2...

❖ ***K t qu tri n khai công tác tái c c u doanh nghi p theo NQ/Q c a TCT***

- Chi b Công ty ph i h p cùng Ban i u hành: Ban hành các ngh quy t v quy ho ch, b nhi m, i u ng, luân chuy n cán b áp ng yêu c u phát tri n c a Công ty; Ch o rà soát và ki n toàn c c u t ch c, ch c n ng, nhi m v , quy n h n và c c u t ch c c a các phòng, nâng cao vai trò c a các h i ng chuyên môn, t công tác; Ch o rà soát, ban hành các quy ch /quy trình/quy nh phù h p v i tình hình kinh doanh m i và ho t ng c a Công ty niêm y t.
- T i p t c c p nh t các ch o c a T ng Công ty v xây d ng và tri n khai Chi n l c phát tri n c a Công ty Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B n n m 2025 và nh h ng phát tri n n n m 2035.
- Th ng xuyên c p nh t, theo dõi và th c hi n y các ý ki n ch o c a Ban ch o Tái c c u và T giúp vi c Tái c c u TCT v vi c quy t li t tri n khai tái c c u trúc ho t ng kinh doanh, h th ng phân ph i áp ng c yêu c u v nh h ng chi n l c phát tri n c a TCT, ng th i t i n hành rà soát, s p x p nhân s , b máy t ch c và ho t ng phù h p h n nh m ti t gi m chi phí, nâng cao h n n a hi u qu trong ho t ng kinh doanh.

❖ ***Công tác Tài chính – K toán***

- Công ty ã hoàn thành báo cáo tài chính n m 2023 và ã c Deloitte ki m toán.
- Công tác tài chính k toán, th c hi n tuân th các quy nh c a pháp lu t, T p oàn, T ng Công ty và Công ty.

- Cân i thu chi, m b o ngu n v n cho ho t ng kinh doanh và u t c a Công ty.
- Ki m soát ho t ng tài chính k toán t i Công ty không có r i ro x y ra.
- Tì p t c t i n hành rà soát, xây d ng h th ng báo cáo qu n tr nh m áp ng yêu c u báo cáo c a T ng Công ty và công tác qu n tr c a Công ty.
- Xây d ng ch ng trình hành ng t i t ki m ch ng lãng phí và k ho ch th c hi n n t ng Phòng/ n v . K t qu th c hi n t i t ki m chi phí qu n lý và bán hàng n m 2023 là 1,38 t ng v t 7% k ho ch.

❖ **Công tác khác**

- ã t ch c ch ng trình V ngu n cho các ng viên và qu n chúng u t t ngày 23-26/2/2023.
- ã t ch c thành công i h i Công oàn Công ty nhi m k 5 ngày 13/3/2023.
- ã t ch c thành công i h i ng c ông vào ngày 21/4/2023.
- ã t ch c thành công Teambuilding nhân d p k ni m 15 n m thành l p Công ty.
- Công oàn Công ty ã th c hi n t t vai trò b o v quy n, l i ích h p pháp và quan tâm t i công tác ch m lo i s ng tinh th n, v t ch t cho ng i lao ng. C v , ng viên ng i lao ng tích c c tham gia các phong trào thi ua yêu n c, phát huy sáng ki n, c i t i n k thu t...
- Công oàn ã ch m lo y theo úng chính sách, ch cho CBNV Công ty nhân ngày L /T t.
- Bên c nh ho t ng kinh doanh, công tác an sinh xã h i c ng c Công ty chú tr ng, các ho t ng c u tr bà con vùng khô h n, t t vì ng i nghèo... là nh ng ho t ng thi t th c, mang l i l i ích và ý ngh a xã h i r t l n, góp ph n chia s nh ng khó kh n v i bà con nông dân và làm t ng giá tr th ng hi u c a Công ty.

III. Thu n l i, khó kh n và bài h c kinh nghi m

1. Thu n l i

- Phú M là th ng hi u phân bón có t i ng trên th tr ng, có th ph n ng Top u Vi t Nam, cùng theo ó NPK Phú M , s n ph m phân bón Phú M khác c khách hàng - ng i dân nh n di n d dàng.
- Công tác qu ng bá và gi i thi u th ng hi u, s n ph m c chú tr ng, th c hi n th ng xuyên.
- Ngu n cung các m t hàng a d ng, khá nhi u s l a ch n cho khách hàng, v i s n ph m NPK thì ch t l ng h t phân d n n nh: ít vón c c, h t phân u h n, bao bì b n p h n...
- H th ng phân ph i c a Phú M c ph kh p, v i nhi u NPP/ i lý c p 1, c p 2 l n, h p tác ng hành trong th i gian dài v i Phú M ; h th ng kho trung chuy n ph r ng, ch ng trong i u t i t ngu n hàng, thu n l i

trong việc chu n b ngu n hàng/ a hàng v a bàn, i u ti t ngu n hàng, tri n khai các ch ng trình qu ng bá/Marketing hi u qu .

- Công tác phân vùng th tr ng, ki m soát t t lu ng hàng (óng mã NPP C1 lên bao bì, qu n lý v n chuy n...) giúp Nhà phân ph i yên tâm kinh doanh trên vùng th tr ng c giao, h n ch c nh tranh n i b .
- Công ty luôn nh n c s quan tâm, h tr k p th i có hi u qu và s ch o sát sao c a Lãnh o T ng Công ty cùng các Ban chuyên môn. Ban lãnh o c ng nh toàn th CBNV Công ty luôn oàn k t, c g ng và n l c hoàn thành nhi m v .

2. **Khó kh n**

- Trong b i c nh tình hình chính tr -kinh t b t n trên th gi i, giá phân bón th gi i và trong n c trong g n nh c n m 2022 ã b y lên cao và liên t p l p các k l c m i. Tuy nhiên, t quý 4/2022 n nay, giá phân bón các lo i trên th tr ng, trong ó có phân m ure ã h nhi t nhanh chóng khi n nhi u doanh nghi p s n xu t kinh doanh phân bón “tr tay không k p”. Nguyên nhân c a s s t gi m này n t nhu c u trong n c y u, nhu c u xu t kh u c ng ch m l i trong khi ngu n cung trong n c và nh p kh u n nh, t n kho còn nhi u. Thêm vào ó, vì c giá nguyên li u nh khí, than... gi m góp ph n gi m áp l c chi phí s n xu t. Tuy nhiên, giá phân bón v n duy trì m c cao do chi phí s n xu t và nguyên v t li u v n còn t ng i cao, ngu n cung th gi i còn g p nhi u bi n ng, khó ki m soát.
- Trong n m 2023, th tr ng phân bón t i Vi t Nam ã có nhi u bi n ng và thách th c do nh h ng c a các y u t qu c t . S n l ng s n xu t và xu t nh p kh u phân bón u gi m so v i n m 2022, trong khi giá phân bón ã gi m so v i nh i m n m tr c dù v n m c cao h n tr c i d ch COVID-19. i u này ã gây khó kh n cho các doanh nghi p s n xu t và kinh doanh phân bón c ng nh các nông dân s d ng phân bón.
- Giá nông s n th p/t ng không theo k p s t ng giá c a giá thành s n xu t (do giá nguyên v t li u t ng cao), ng i nông dân l /hi u qu th p trong canh tác, thi u ngu n v n tái u t canh tác. Nhu c u phân bón vì v y c ng gi m theo.
- Các i lý t p ch y u trung tiêu th hàng t n (s l ng nhi u) t n m tr c, h n ch /th n tr ng nh p hàng m i nên nh h ng n vì c ra hàng c a Công ty.
- M t s th ng hi u l n ti p t c u t Nhà máy NPK t i vùng tr ng i m c a Công ty: Công ty Hóa Ch t c Giang u t nhà máy NPK 200.000 t n/n m t i k Nông ã a vào ho t ng vào tháng 8/2023 làm tình hình c nh tranh trong hku v c thêm kh c li t.
- Tình hình ô th hóa m nh m t i các t nh khu v c NB – Tây Nguyên, c bi t di n bi n giá t t ng m nh, tình tr ng chuy n i m c ich s d ng t... di n tích canh tác, thâm canh nông s n gi m áng k : di n tích cao su, cây n trái, i u khu v c NB. Bên c nh ó di n tích cây Café tái

canh (tr ng m i) khá l n (do tu i cây café ã già, n ng su t gi m) d n n nhu c u phân bón chung khu v c NB gi m m nh.

- Th tr ng b nh h ng b i các lo i phân bón gi /kém ch t l ng c s n xu t b i công ngh th ng/thô s (cu c x ng), bán giá th p, chi t kh u cao, c nh tranh không lành m nh.

3. Bài h c kinh nghi m

- Bám sát m c tiêu, nhi m v và k ho ch c giao. K p th i có nh ng i u ch nh phù h p khi x y ra tr ng h p b t kh kháng.
- Chú tr ng và y m nh công tác chuy n i s nh m qu n lý t t công vi c, gi m thi u chi phí qu n lý, bán hàng.
- Chú tr ng h n n a công tác phân tích và d báo th tr ng, k p th i a ra chính sách bán hàng linh ho t phù h p v i th tr ng.
- Th ng xuyên ánh giá m c h p tác c a h th ng i lý, qua ó sàng l c, l a ch n nh ng n v có n ng l c, tinh th n h p tác t t c ng c và có chính sách ch m sóc khách hàng h p lý. H p tác v i i lý/C a hàng trên tinh th n chia s r i ro, các bên cùng có l i.
- Ki m soát t t h th ng phân ph i tránh hi n t ng bán ch ng chéo th tr ng gi a các vùng m i n, khu v c.
- Có các chính sách nh m ch ng i u ti t/gia h n công n i v i t ng Nhà phân ph i tùy thu c vào tình hình th c t t ng giai o n, t ng m t hàng nh ng m b o hi u qu , an toàn ngu n v n và m b o th c hi n t t k ho ch TCT giao.

PH N II: NHI M V , K HO CH SXKD N M 2024

I. Nh n nh th tr ng

- Theo deccanherald.com, ngoài xung t Nga - Ukraine, các cu c t n công vào tuy n giao thông v n t i quan tr ng Bi n mà l c l ng Houthis Yemen th c hi n, cùng v i tác ng lan t a t cu c chi n Israel - Hamas D i Gaza ang t o ra b t n m i cho n n kinh t th gi i ang tr i qu tình hình a chính tr ngày càng c ng th ng. Nguy c xung t leo thang Trung ông là v n m i nh t trong chu i các cu c kh ng ho ng khó l ng ã gây tác ng m nh t i n n kinh t toàn c u, khi n n n kinh t i ch ch h ng và l i các v t s o. Trong n m 2024, còn nhi u bi n ng h n n a ang ch i khi có m t lo t cu c b u c nhi u n c mà k t qu có th gây ra tác ng sâu s c và lâu dài. H n 2 t ng i kho ng 50 qu c gia, nh n , Indonesia, Mexico, Nam Phi, M , Nga và 27 qu c gia thu c Ngh vi n châu Âu, s tham gia b phi u. Nhìn chung, nh ng n c di n ra b u c n m 2024 chi m 60% t ng l ng kinh t th gi i.
- Ngày 09/01/2024, Ngân hàng Th gi i (WB) ã công b báo cáo ánh giá th c tr ng và tri n v ng kinh t toàn c u v i nh n nh, kinh t toàn c u n m 2024 c d báo ch t ng 2,4% - ghi nh n 3 n m gi m t c liên ti p - ph n ánh tác ng tr c a các ng thái th t ch t ti n t , i u ki n tín d ng kh t khe, th ng m i và u t tr m l ng trên toàn c u.

- Tình hình l m phát d ki n s gi m d n khi t ng tr ng gi m t c và nhu c u lao ng nhi u n n kinh t gi m và giá c hàng hóa v n n nh. Nh ng các chuyên gia c a WB c ng cho r ng l m phát c b n d ki n s v n cao h n m c tiêu c a ngân hàng trung ng nhi u qu c gia trong su t n m 2024.
- Theo Fetercon nh n nh, trong kho ng cu i quý 1/2024, áp l c gi m giá phân bón ang gia t ng do thi u thanh kho n, trong khi giá khí t và nông s n v n khá y u. D ki n s có m t s i u ch nh nh trong ng n h n. Tuy nhiên, vào kho ng tháng 4, nhu c u ure c a M , Châu Âu, ông Nam Á, Australia và n có th s quay tr l i, ti p t c y giá m t hàng này lên cao.
- Tuy nhiên Argus c ng d báo, s tr l i th tr ng xu t kh u c a Trung Qu c trong th i gian t i có th s khi n giá ure s không t ng nhi u nh k v ng khi b c sang quý 2/2024.
- Phân tích v th tr ng ure trong n c, TS. Phùng Hà - Phó Ch t ch kiêm T ng th ký Hi p h i Phân bón Vi t Nam nh n nh, giá nông s n xu t kh u ang c giá, nh t là g o xu t kh u nên nhu c u mua phân bón r ng s n xu t c ng t ng theo. ây là i m khác bi t so v i cùng k n m 2023, nhi u t nh thành có hi n t ng nông dân b ru ng ho c bón phân c m ch ng do giá nông s n r t m nh.
- S li u d báo t B Nông nghi p và Phát tri n Nông thôn c ng cho th y: n m 2024 này, nông s n Vi t ti p t c g t hái nhi u thành qu khi M , Trung Qu c và nhi u qu c gia Trung ông a chu ng nông s n Vi t. nh h ng c a El Nino d báo s khi n ngu n cung l ng th c th gi i gi m sút và ây là c h i cho các m t hàng nông s n Vi t Nam ang có nhi u d a nh g o, s u riêng, cà phê...
- Th i ti t: tình hình di n bi n th i ti t hi n t i khá tiêu c c, n ng nóng kéo dài, l ng n c t i tiêu h n ch , vùng ven bi n nhi m m n (Long An, Tây Ninh). Theo d báo c a ài khí t ng th y v n thì có th di n bi n th i ti t n ng nóng v n kéo dài và mùa m a có th s n mu n, kho ng u – gi a tháng 05 d ng l ch nh h ng nhi u n mùa v xu ng gi ng cây tr ng, làm gi m nhu c u phân bón.
- i th c nh tranh khu v c ông Nam b :
 - J V Urea: i th c nh tranh trong n c ch y u trên th tr ng là m Cà Mau công su t 800.000 t n, Ninh Bình công su t 500.000 t n, Hà B c v i công su t 500.000 t n. Tuy nhiên, ch có m Cà Mau là i th ch y u c a Công ty do cùng s d ng ngu n nguyên li u là khí d u m có giá thành t ng i r . Ngoài ra, ngu n hàng nh p kh u t các n c ASEAN, Trung Qu c... v n là i th c nh tranh áng k do giá r , chính sách bán hàng linh ho t và c u ãi v thu .
 - J V NPK: Khu v c ông Nam b t p trung nhi u nhà máy s n xu t NPK có th ng hi u uy tín i v i bà con nông dân nh Bình i n, Vi t Nh t, Con cò vàng... v i r t nhi u dòng s n ph m thích h p v i t ng a bàn, mùa v c ng nh t ng lo i cây tr ng. Vì v y, các nhà kinh doanh/phân ph i s n

phẩm của các nhà sản xuất này có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn, do giá thành vận chuyển thấp, sản phẩm đa dạng, khả năng cung ứng kịp thời và chính sách bán hàng linh hoạt. Ngoài ra, nhà máy NPK với công suất 200.000 tấn/năm của Công ty TNHH MTV Hóa chất Bắc Giang tiếp tục được đầu tư vào hoạt động tháng 8/2023 sẽ là lợi thế cạnh tranh trực tiếp.

J) Về các loại phân bón khác (Kali, SA): chủ yếu là các doanh nghiệp như Công ty Long Hải, Việt Nông nghiệp, Vinacam...

II. Nhiệm vụ.

1. Tổ chức hoạt động kinh doanh năm 2024 tập trung tiêu: An toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Mở rộng thị trường phân bón Ure và phát triển mạnh thị trường phân bón NPK Phú Mỹ tại khu vực.
3. Thực hiện các giải pháp linh hoạt trong công tác bán hàng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Phát triển thị trường kinh doanh NPK Phú Mỹ, tăng cường công tác tiếp thị và truyền thông nhằm hình thành hiệu quả NPK Phú Mỹ về mặt thương hiệu và chất lượng.
4. Tập trung nâng cao công tác quản trị hàng tồn kho, mở rộng giá trị và chất lượng tồn kho nhằm tối ưu chi phí hoạt động SXKD của đơn vị.
5. Chú trọng hoạt động kinh doanh phân bón tập đoàn của đơn vị, mở rộng hiệu quả kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn, nâng cao năng suất lao động.
6. Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, xây dựng hình ảnh khác biệt với các đối thủ cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ tốt.
7. Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và phát triển hiệu quả kênh phân phối, mở rộng mạng lưới chi nhánh và chi nhánh sâu.
8. Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát và tiết giảm tối đa các khoản chi phí cần thiết giảm bớt các giải pháp cạnh tranh, cắt giảm tối giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại đơn vị.
9. Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ không phát sinh nợ xấu mới, có biện pháp xử lý thu hồi nợ đọng, khó đòi, mở rộng tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.
10. Xây dựng phương án cơ cấu vốn chi tiêu phù hợp với quy định của pháp luật, mở rộng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, đầu tư, nâng cao hiệu quả bảo toàn vốn góp của Tập đoàn công ty tại Công ty theo đúng quy định hiện hành.
11. Quản lý công tác đầu tư, mua sắm mở rộng chất lượng, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của Tập đoàn/Tập đoàn công ty/Công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
12. Quản lý, vận hành và khai thác có hiệu quả vị trí cho thuê tòa nhà 27 tầng B Lành do Tập đoàn công ty giao cho PSE quản lý.
13. Tham gia tích cực công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Đa dạng thông tin thị trường, nắm bắt thị hiếu khách hàng, thông tin sản phẩm, thị trường khu vực. Chú trọng nghiên cứu, phát triển sản phẩm

m i, ph i h p ch t ch v i b ph n liên quan T ng công ty thông tin ý t ng, xu t nghiên c u các s n ph m m i phù h p nhu c u và nh h ng th tr ng.

14. Tham gia tích c c công tác kinh doanh s n ph m m i do T ng công ty nghiên c u s n xu t. Xem xét nh ng công th c NPK phù h p v i c thù mùa v cây tr ng t i khu v c a d ng các dòng s n ph m.
15. Phát huy l i th v h th ng kho bãi và quan h v i các i tác/khách hàng, t ch c khai thác thêm hàng bên ngoài nh m nâng cao hi u qu s d ng các kho do Công ty qu n lý.
16. Th c hi n công tác tái c c u, thoái v n và xây d ng chi n l c phát tri n c a n v theo k ho ch tri n khai c a T ng công ty.
17. Ti p t c th c hi n và tuân th nghiêm túc các quy nh v phòng ch ng d ch b nh, thiên tai c Chính ph , B Y t , các c quan Trung ng, a ph ng, T p oàn và T ng công ty ban hành và thông báo tri n khai th c hi n.
18. C p nh t h th ng qu n tr , hoàn thi n quy ch , quy trình c a Công ty phù h p v i ho t ng c a n v . Th c hi n chuy n i s , ng d ng m nh m công ngh thông tin, m b o th ng nh t, ng b v i công tác tri n khai chuy n i s c a T ng công ty.
19. Ti p t c tái t o v n hóa PSE cùng v i vi c y m nh v n hóa T ng công ty t i PSE. Quan tâm ch m lo i s ng s c kh e, tinh th n, i u ki n làm vi c và thu nh p cho Ng i lao ng.
20. Xây d ng và t ch c tri n khai K ho ch an toàn, v sinh lao ng theo quy nh t i i u 76 Lu t An toàn, v sinh lao ng s 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015.
21. Tri n khai th c hi n k ho ch SXKD 05 n m giai o n 2021 – 2025 v i m c tiêu ph n u hoàn thành các nhi m v , ch tiêu tài chính, kinh doanh c T ng công ty giao.
22. Xây d ng k ho ch SXKD 5 n m giai o n 2026-2030 trên c s bám sát chi n l c phát tri n c a T ng công ty ang xây d ng.
23. Th c hi n các nhi m v khác c a T ng công ty giao.
24. Th c hi n các nhi m v khác c a T ng công ty giao.

III. Các ch tiêu k ho ch ch y u 2024

Ch tiêu s n l ng: T ng s n l ng 333.100 t n, trong ó:


- Urê Phú M : 200.000 t n
- NPK Phú M : 45.100 t n
- m Kebo: 3.000 t n
- Phân bón th ng hi u PM: 40.000 t n
- Phân bón khác: 45.000 t n

Ch tiêu tài chính:

- V n i u l : 125 t ng
- T ng doanh thu: 3.184 t ng
- T ng chi phí: 3.164 t ng

- L i nhu n tr ̣ c thu : 22,80 t ̣ ng
- L i nhu n sau thu : 18,24 t ̣ ng
- N p NSNN: 6,30 t ̣ ng
- Chia c ̣ t c: 10%

IV. Các gi ̣ i pháp th ̣ c hi ̣ n k ̣ ho ̣ ch 2024


 Công tác kinh doanh, th ̣ tr ̣ ng, xây d ̣ ng h ̣ th ̣ ng phân ph ̣ i và ki ̣ m soát r ̣ i ro

- Chính sách giá và thanh toán

-) Th ̣ c hi ̣ n chính sách bán hàng ̣ i v ̣ i các m ̣ t hàng NPK Phú M ̣ linh ho ̣ t và bám sát phù h ̣ p v ̣ i th ̣ tr ̣ ng. Nghiên c ̣ u th ̣ c hi ̣ n thêm n ̣ i dung th ̣ ng chi ̣ t kh ̣ u v ̣ i các Khách hàng mua hàng theo Combo, th ̣ c hi ̣ n s ̣ n l ̣ ng – k ̣ ho ̣ ch các m ̣ t hàng Phú M ̣ m ̣ c cao.
-) Xây d ̣ ng và nh ̣ h ̣ ng c ̣ th ̣ m c l ̣ i nhu n 3-5% theo m ̣ t hàng NPK PM, s ̣ n l ̣ ng và t ̣ ng c ̣ p bán hàng C1, C2 trong h ̣ th ̣ ng.
-) Trên c ̣ các ngu ̣ n l ̣ c c ̣ a TCT xây d ̣ ng c ̣ th ̣ các ch ̣ ng trình h ̣ tr ̣ bán hàng cho t ̣ ng công th ̣ c, t ̣ ng NPP.
-) Th ̣ c hi ̣ n chính sách bán và giao hàng t ̣ i ̣ a bàn (Kho trung chuy ̣ n/Kho NPP), h ̣ n ch ̣ /không bán hàng t ̣ i Nhà máy.
-) Th ̣ ng chi ̣ t kh ̣ u th ̣ ng m ̣ i hàng quý/n m ̣ i v ̣ i các khách hàng t ̣ s ̣ n l ̣ ng cao và tích c ̣ c h ̣ p tác trong công tác bán hàng và phát tri ̣ n th ̣ tr ̣ ng.
-) Ti ̣ p t ̣ c ̣ ánh giá và xây d ̣ ng nh ̣ m c ̣ công n ̣ , áp d ̣ ng thanh toán công n ̣ linh ho ̣ t và phù h ̣ p theo t ̣ ng công th ̣ c NPK c ̣ ng nh ̣ mùa v ̣ i v ̣ i t ̣ ng NPP.
-) Th ̣ ng thanh toán tr ̣ c th ̣ i h ̣ n, m ̣ c th ̣ ng có th ̣ cao g ̣ p 1,5-2 l ̣ n lãi su ̣ t ngân hàng.

- Chính sách v ̣ phân vùng s ̣ n ph ̣ m và công th ̣ c ̣ c quy ̣ n

-) ̣ i v ̣ i công th ̣ c NPK đ ̣ ng 2-2-1: ̣ a đ ̣ ng các công th ̣ c đ ̣ ng này (16-16-8, 17-15-9, 17-17-8) ̣ giao cho t ̣ ng NPP bán ̣ c quy ̣ n khu v ̣ c, trong t ̣ nh s ̣ giao không trùng l ̣ p, nh ̣ n đ ̣ i n bao bì c ̣ a 3 lo ̣ i s ̣ có s ̣ khác bi ̣ t đ ̣ phân bi ̣ t và qu ̣ n lý tránh s ̣ ch ̣ ng l ̣ n, t ̣ ng c ̣ ng công tác h ̣ tr ̣ AVP, h ̣ i th ̣ o t ̣ i các C2 t ̣ ng khu v ̣ c, theo th ̣ i v ̣ cây tr ̣ ng.
-) ̣ i v ̣ i công th ̣ c đ ̣ ng 1-1-1 (vd: 15-15-15; 16-16-6;...), l ̣ a ch ̣ n m ̣ t s ̣ NPP/ ̣ i lý, CH t ̣ i m ̣ t s ̣ khu v ̣ c t ̣ p trung cây ̣ n trái nh ̣ Thanh long, nho, táo, s ̣ u riêng... và m ̣ t s ̣ cây công nghi ̣ p giá tr ̣ nh ̣ cà phê tri ̣ n khai ra hàng.
-) ̣ i v ̣ i nhóm đ ̣ ng 2-1-2 (16-8-17; 16-8-16; 17-7-17, 16-7-17): ch ̣ n 4 công th ̣ c, xác ̣ nh khu v ̣ c tr ̣ ng ̣ i m ̣ cây công nghi ̣ p (cây cà phê, tiêu...) và cây ̣ n trái (s ̣ u riêng, thanh long, cam quýt...) ̣ giao cho NPP Th ̣ y Minh Khoa, Minh Đ ̣ ng, Kim Ngoan; Tu ̣ n V ̣ , Tân Trí Phát, Hoàn Thi ̣ n. V ̣ i nhóm 2:1:2 ngoài các công th ̣ c do NMSX có th ̣ nh ̣ p kh ̣ u các công th ̣ c nh ̣ 19-9-19 KD và giao ̣ c quy ̣ n phân ph ̣ i cho NPP có cam k ̣ t/n ̣ ng l ̣ c tiêu th ̣ s ̣ n l ̣ ng l ̣ n.

- H th ng phân ph i
 -) Ti p t c duy trì h p tác v i NPP có n ng l c, thi n chí h p tác, làm vi c th ng nh t s n l ng t ng s n ph m/công th c t ng tháng/quý/n m, xây d ng chính sách bán hàng, các ch ng trình h tr bán hàng c th cùng ph i h p v i NPP ra hàng.
 -) Ti p t c ph i h p v i NPP c p l lên k ho ch s n l ng d ki n, các chính sách giá bán, chi t kh u, h tr cho các i lý C2 ngay t u quý/v cùng bám sát/ ánh giá h tr C2 ra hàng.
 -) Hàng tháng/quý ánh giá/x p lo i h th ng phân ph i các c p có chính sách bán hàng, h tr bán hàng phù h p nh m m b o vi c th c hi n k ho ch chung c a NPP/Cty.
 -) Phân vùng tiêu th g n k ho ch s n l ng cho t ng NPP, h ng t i c quy n các s n ph m phân bón c thù.
 -) T ng c ng công tác ki m soát lu ng hàng bán úng a bàn, h n ch bán ch ng chéo/ p giá gi a các NPP/CTVM.
 -) Khai thác tc i u h th ng các kho/c ng hi n có, k t h p t n d ng h th ng kho các NPP gia t ng l i th c nh tranh c ng nh m b o s n sàng ngu n hàng t i các a bàn cung c p cho th tr ng khi có nhu c u.
 -) M r ng và liên k t v i các h /trang tr i, nông tr ng l n cùng c p tr c ti p các s n ph m phân bón Phú M .
- Các bi n pháp nh m ki m soát và gi m thi u r i ro
 -) Ki m soát h th ng: T ng c ng bi n pháp qu n lý, ch ng các gi i pháp, ch tài nh m h n ch t i a tình tr ng bán l n vùng c a các NPP gây nh h ng n chính sách chung c ng nh uy tín và th ng hi u. Vi c xây d ng chính sách/quy nh ph t NPP bán hàng không úng a bàn có th s vi ph m Lu t c nh tranh và b o v ng i tiêu dùng. Công ty ang nghiên c u a các quy nh th ng chi t kh u, th ng quà/ch ng trình xu ng NPP C1, C2 t các ch tiêu v k ho ch, th ph n, bán – mua hàng úng h th ng.
 -) Th ng xuyên ki m tra/ki m soát hàng t n kho NPP có các bi n pháp thúc y ho c can thi p x lý k p th i.
 -) T ng c ng công tác ki m soát công n , th ng xuyên ánh giá tình hình s c kh e tài chính c a NPP, th c hi n các bi n pháp nh CK th ng ho c gi m giá nh m khuy n khích khách hàng thanh toán.
 -) Th ng hi u: t ng c ng ki m soát ch t l ng s n ph m, gi i quy t khi u n i khách hàng k p th i.
 -) Th ng xuyên ph i h p v i c quan ch c n ng, ban ngành a ph ng xây d ng và t v n k p th i các v n liên quan n kinh doanh s n ph m phân bón.
-  Công tác ti p th và truy n thông, an sinh xã h i
 - Ti p t c t ng c ng th c hi n các ho t ng: mô hình trình di n s n ph m, h i th o t v n k thu t, bán hàng tr c ti p, các ch ng trình h i

ngành khách hàng kinh doanh phân bón Phú Mỹ tại các khu vực trọng điểm, quảng cáo trên các đài phát thanh truyền hình, truyền thanh địa phương.

- Tăng cường vận chuyển phân bón/quả trứng làm chủ nguồn cung phân bón hàng trực tiếp, mua hàng trứng quả.
- Tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng như: gặp mặt tri ân, du lịch trong/ngoài nước, tặng quà khách hàng ngày lễ, sinh nhật; chăm sóc kỹ thuật, hỗ trợ giáo dục,....
- Mở rộng các kênh thông tin, nội dung quảng cáo giới thiệu nhà máy, công nghệ sản xuất NPK Phú Mỹ ứng dụng cho bà con nông dân (trên phương tiện giao thông, pano nội công nông, kho/công, phương tiện phát thanh truyền hình, các cơ quan chuyên môn như sở nông nghiệp, trung tâm khuyến nông, báo vệ sinh...).
- Tăng cường lực lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBTT tại vùng miền trọng điểm trọng các vùng nông thôn công nghệ giới thiệu sản phẩm NPK Phú Mỹ tại các nông trường, các mô hình HTX, các vùng cây công nghiệp cao su, mía đường.
- Tiếp tục thực hiện các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn/nghiệp vụ theo chỉ đạo sâu cho đội ngũ CBTT.
- Thực hiện cho các đại lý/khách hàng tham quan nhà máy NPK để tạo niềm tin cho khách hàng khi giới thiệu và phân phối phân bón NPK Phú Mỹ.
- Kết hợp công tác ASXH với công tác tiếp thị truyền thông nhằm khuyến khích và quảng bá thương hiệu “Phân bón Phú Mỹ”.
- Tích cực hưởng ứng, tham gia công tác an sinh xã hội, thiện nguyện, nhân đạo khác.



Công tác tiếp quản quản lý, vận hành và khai thác tòa nhà 27 Đinh Bộ Lĩnh

- Tiếp tục thực hiện các khóa đào tạo bổ sung nhằm hoàn thiện kiến thức cho CBNV tiếp quản quản lý, vận hành tòa nhà.
- Có các chính sách hỗ trợ khách hàng nhằm tăng thêm lòng khách hàng thuê tòa nhà, miễn phí tòa nhà cho thuê 100% công suất.
- Ưu tiên chăm sóc, nâng cấp các hạng mục xây dựng sau nghiệm thu miễn phí miễn phí đảm bảo an toàn cho việc vận hành và khai thác tòa nhà.

Trân trọng!

N i nh ã n:

- H C ;
- H QT, BKS;
- L u VT, KH T, PVH.01.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tuấn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2024.

BÁO CÁO CÔNG ÁN HỒ SƠ QUẢN TRỊ
Tình hình Công tác phiên họp tháng năm 2024

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2023.

Năm 2023, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đu Khí Đông Nam B (PSE) triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh với không ít khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với sự đồng lòng, tinh thần cao của tập thể Ban lãnh đạo, Công ty đã đạt được các tiêu chí năm 2023 là kinh doanh ổn định, an toàn, phát triển và hiệu quả. Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích các bên. Các chỉ tiêu thực hiện được nêu trong báo cáo với tình hình công tác Giám đốc Công ty.

- Với vai trò là cơ quan quản lý giữa 2 kỳ tình hình công tác (H.C), Hội đồng quản trị (H.QT) Công ty đánh giá: Ban điều hành (B.H) đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2023; Công tác quản trị, tái cấu trúc doanh nghiệp triển khai theo hướng tinh gọn, tập trung mũi nhọn vào lĩnh vực kinh doanh trực tiếp. H.QT cùng B.H thường xuyên rà soát, xây dựng phương án bố trí nhân sự hợp lý, đáp ứng yêu cầu kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty; Công tác quản lý và sản xuất luôn được quan tâm, chú trọng nhằm đảm bảo an toàn và tài chính, nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí trong mọi hoạt động.

Nhìn chung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đu Khí Đông Nam B đã hoàn thành nhiệm vụ chính và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà H.C Công ty đã giao.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÔNG ÁN HỒ SƠ QUẢN TRỊ.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

Năm 2023, Công ty không có sự thay đổi về thành viên Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị hiện tại gồm 03 thành viên:

Ông: Phạm Hùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông: Lê Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị - Giám đốc Công ty.

Ông: Nguyễn Quang Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị.

Các thành viên Hội đồng Quản trị đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình theo chu trình quản trị của Công ty Cổ phần, nâng cao hiệu quả, giám sát, ổn

c k p th i các ho t ng c a B H thông qua các cu c h p/v n b n trong quá trình i u hành Công ty.

2. Ho t ng c a H QT:

- N m 2023, tr c tình hình kinh t trong n c còn g p nhi u khó kh n nh ng v i s quan tâm, h tr và ch o sát sao c a T ng Công ty (c ông n m ph n chi ph i), s ph i h p, h tr c a các khách hàng, i tác, s ng h tích c c c a các c ông, các nhà u t , cùng v i s n l c, quy t tâm cao c a H i ng qu n tr , Ban Giám c c ng nh cán b nhân viên toàn Công ty, Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B ã n l c hoàn thành các ch tiêu c a Ngh quy t H C n m 2023 ã thông qua.
- Công tác qu n lý và s d ng v n, c bi t là công tác theo dõi, thu h i công n c quan tâm, chú tr ng m b o an toàn v tài chính. ng th i, Công ty ã t ch c tri n khai th c hi n t t công tác th c hành ti t ki m ch ng lãng phí, nêu cao tinh th n t giác th c hành ti t ki m, ch ng lãng phí c a CBNV, và ti t gi m t i a các chi phí trong m i m t ho t ng.
- H i ng qu n tr cùng v i Ban i u hành Công ty ã ánh giá tình hình ho t ng kinh doanh t i t ng th i i m và có ch o c th thông qua các cu c h p c a Ban i u hành và h p H i ng qu n tr nh k , trong quá trình tri n khai công vi c Ban i u hành ã tuân th y các quy trình, quy ch c a Công ty và quy nh c a Pháp lu t.
- Bên c nh vi c th c hi n ch c n ng qu n lý, giám sát ho t ng i u hành c a Giám c và các cán b qu n lý, H QT ã ph i h p ch t ch v i B H a ra nh ng gi i pháp tháo g khó kh n trong ho t ng kinh doanh.
- H QT ã t ch c 04 cu c h p nh k và 15 l n l y ý ki n b ng v n b n (email/ i n tho i và xác nh n ch ký trong biên b n). Trên c s k t qu các cu c h p, H QT ã ban hành các ngh quy t, quy t nh, biên b n, thông báo, k t lu n làm c s cho t ng thành viên H QT, B H tri n khai các ho t ng kinh doanh. Các v n chính ã c xem xét, phê duy t nh sau:
 -)} T ch c thành công H C th ng niên vào ngày 21/04/2023.
 -)} Thông qua và phê duy t nhi m v , k ho ch KD n m 2023 c a Công ty.
 -)} Ban hành Ngh quy t k ho ch ho t ng c a H QT n m 2023.
 -)} Ban hành, s a i các quy ch , quy nh, chính sách quan tr ng trong công tác qu n tr Công ty:
 -)} Trình H C thông qua vi c chia c t c n m 2022
 -)} Phê duy t i u ch nh k ho ch kinh doanh n m 2023 c a Công ty .

ánh giá:

- H QT ã th c hi n úng nhi m v , v trí, vai trò mà H C giao trong công tác qu n lý Công ty theo i u l và qui nh c a pháp lu t.
- H QT ch ng xây d ng k ho ch ho t ng tri n khai th c hi n ngay t u n m. T ng thành viên H QT nâng cao vai trò cá nhân, có ý ki n óng góp th ng th n, có trách nhi m ho t ng c a H QT ngày m t t t h n, chuyên nghi p h n.

- HQT đã phê duyệt BKS và BKH trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Công ty.

Kết quả:

- Hoạt động kinh doanh Công ty đảm bảo mọi tiêu an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ chính và các chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2023.
- Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3. Kết quả hoạt động của thành viên HĐQT hiện nay

3.1 Chức năng HĐQT Phạm Hùng.

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật, Thông lệ Công ty, các quy định quản lý nhà nước;
- Lập kế hoạch trình và kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT, HĐQT;
- Thực hiện giám sát và chủ trì các công tác ban hành, sửa đổi nội quy, án tài chính, các quy chế, quy định, chính sách chung của Công ty; Công tác tổ chức nhân sự và đào tạo, định hướng kinh doanh, lập kế hoạch và chủ trì chính sách về CBNV;
- Thực hiện tham mưu cho thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp của Công ty về hoạt động kế hoạch, kinh doanh, đầu tư, tài chính... và tham gia trong các hội nghị thi đua khen thưởng - kỷ luật, hội nghị tổng kết giám sát và chủ trì về trách nhiệm của HĐQT;
- Thực hiện giám sát và chủ trì công việc Phát triển sản phẩm mới;
- Theo dõi, giám sát, chủ trì công tác kế hoạch; quản lý tài chính; quản trị rủi ro, bảo toàn vốn; quản trị dòng tiền và công tác tiết kiệm chi phí và phòng ngừa tham nhũng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3.2 Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Lê Văn Thuần.

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Giám đốc Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Thực hiện theo dõi, giám sát và chủ trì công tác kế hoạch, kinh doanh, điều hành hàng hóa, tiếp thị, hệ thống phân phối. Thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp hội đồng giá/t giá và các cuộc họp trong lĩnh vực phân công;
- Thực hiện theo dõi, giám sát và chủ trì công tác mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác đầu tư, công tác hậu cần, quản lý kho bãi và hàng hóa. Thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp về hoạt động mua sắm, đầu tư xây dựng, đầu tư...;

- Tr c ti p theo dõi, giám sát và ch o công tác qu n lý v n, qu n tr r i ro và b o toàn v n, công tác tài chính k toán, t i t ki m ch ng lãng phí. Thay m t H QT tham d các cu c h p v ho t ng tài chính, ki m toán, ki m kê, ki m soát...;
- Theo dõi, giám sát, ch o công tác phát tri n d án và các s n ph m/d ch v m i trong ngành; nghiên c u u t các d án h p tác, liên doanh, liên k t v n c a Công ty v i các n v trong ngành;
- Th c hi n các nhi m v khác theo y quy n c a Ch t ch H QT
- Th c hi n các nhi m v khác theo i u l Công ty và Lu t Doanh nghi p.

3.3 y viên H QT Nguy n Quang Tu n.

- Theo dõi, giám sát, ch o công tác phát tri n d án và các s n ph m/d ch v m i ngoài ngành;
- Ph i h p cùng y viên Lê c Thu n trong công tác kinh doanh, t i p th , ch m sóc khách hàng, c ng c kênh phân ph i nh m nâng cao hi u qu kinh doanh c a Công ty;
- Th c hi n các nhi m v khác theo y quy n c a ch t ch H QT;
- Th c hi n các nhi m v khác theo i u l Công ty và Lu t Doanh nghi p.

4. V công tác qu n lý, giám sát ho t ng c a Giám c và B máy i u hành Công ty:

- Các thành viên H QT ã th c hi n nhi m v qu n lý, giám sát ho t ng c a Ban i u hành thông qua.
- Các ngh quy t, quy t nh, thông báo k t lu n c a H QT trong ho t ng kinh doanh c a Công ty.
- Theo dõi và n m b t quá trình i u hành kinh doanh, thông qua các báo cáo, v n b n c a B H g i báo cáo H QT.
- Tr c ti p ch o và góp ý i v i B H m t s v n quan tr ng phát sinh trong quá trình i u hành kinh doanh.
- Giám sát vi c th c hi n c a B H i v i các ngh quy t, quy t nh c a H QT trong ho t ng kinh doanh c a Công ty.

ánh giá chung v ho t ng c a B H trong ho t ng kinh doanh c a Công ty:

- BG ã nh n th c rõ nh ng thu n l i và khó kh n, c h i, thách th c, ch ng i u hành linh ho t, có hi u qu ho t ng kinh doanh c a Công ty. K t qu là ã hoàn thành các ch tiêu k ho ch H C /H QT giao. Ho t ng u t , kinh doanh m b o m c tiêu an toàn, hi u qu và t i t ki m.
- BG t ng b c c th hóa Chi n l c phát tri n c a Công ty b ng các k ho ch, ch ng trình hành ng trong ho t ng i u hành kinh doanh n m 2023.

- T ăng thành viên BG và CBNV Công ty toàn k ết, th ăng nh ật, ph ần u hoàn thành nhi ệm v ụ c ả giao.
- Luôn tìm ki ếm, c ải i ến kinh doanh phát tri ển Công ty toàn di ện và lâu dài.
- BG ấ t ừ c ả tri ển khai t ừ các ngh ề quy ết, quy ết nh ậ c ả H ội QT mang l ợi hi ệu qu ả cao nh ất cho Công ty trong n ăm 2023.
- BG ấ tuân th ờ y ết nh ậ c ả pháp lu ật, quy ề ch ỉ, quy ề nh ậ trong ho ạt ộng i ều hành kinh doanh.
- BG ấ ch ỉ o các Phòng ch ỉ c ả n ề tr ừ c ả thu ậ rà soát, b ổ sung, c ả p ả nh ậ t quy ề ch ỉ, quy ề trình, quy ề nh ậ ban hành phù ợ p ả i ết nh ậ hi ệ n hành và tình hình th ực t ại trong kinh doanh.
- BG ấ ch ỉ ợ ng th ực hi ệ n y ết m ả nh công tác th ực tr ợ ng, h ệ th ợ ng phân ph ối, ch ỉ m sóc khách hàng, xây d ựng hình ợ nh PSW ả i khách hàng và bà con nông dân trong khu v ực

III. K Ế HO ẠCH HO ẠT ỘNG C ả H ỘI QT TRONG N ĂM 2024

N ăm 2024, H ội QT đ ề ki ếm k ế ho ạ ho ạt ộng nh ư sau:

- T ỉ p ả t ả c ả t ừ ch ỉ c ả b ả máy và ho ạt ộng c ả H ội QT chuyên nghi ệp, trách nhi ệm; phân công, phân nhi ệm rõ ràng, c ả th ực nh ậ m ả t ừ ợ hi ệu qu ả ho ạt ộng c ả H ội QT.
- Xây d ựng ch ỉ ợ ng trình công tác và k ế ho ạ ho ạt ộng chi ả t ả c ả H ội QT n ăm 2024 và bám sát tri ển khai th ực hi ệ n.
- T ừ ch ỉ c ả các phi ến h ợ p th ợ ng k ế và b ả t ả th ợ ng (n ếu có) ợ i ết quy ết các công v ụ c ả thu ậ th ể m ả quy ề n ậ c ả H ội QT.
- Giao nhi ệm v ụ, k ế ho ạ n ăm 2024 cho B ả H ội; Quy ết li ệ t ch ỉ o và y ết c ả u B ả H ội giao nhi ệm v ụ /k ế ho ạ ch ỉ cho phòng/ n ề v ụ t ừ ch ỉ c ả tri ển khai th ực hi ệ n ngay t ừ u n ăm; t ừ ch ỉ c ả s ả k ế, ả nh ậ giá hàng qu ý, 6 tháng và t ừ k ế t ả n ăm 2024. M ả c ả tiêu là th ực hi ệ n hoàn thành t ả t ả k ế ho ạ ch ỉ 2024 do H ội C ả giao.
- ả o trách nhi ệm cá nh ậ n t ừ ợ ng thành viên H ội QT; bám sát t ỉ n ậ, ôn c ả, ki ếm tra, giám sát công tác tri ển khai th ực hi ệ n nhi ệm v ụ c ả t ừ ợ ng thành viên H ội QT.
- Ch ỉ o sát sao công tác ki ếm tra, giám sát, ki ếm toán, quy ết toán, ki ếm kê nh ậ m ả c ả ích phòng ợ ng ả, h ệ n ch ỉ r ợ i ợ ro trong ho ạt ộng c ả Công ty.
- T ỉ p ả t ả ch ỉ o công tác nghi ệ n c ả u phát tri ển s ả n ph ả m m ả i, kinh doanh ả d ợ ng hóa s ả n ph ả m.
- ợ i ết v ợ ng th ực ph ầ n ure, t ợ ng b ả c ả phát tri ển th ực ph ầ n NPK Phú M ả, thúc ợ y các ho ạt ộng kinh doanh trong i ều ki ếm th ực tr ợ ng c ả nh ậ tranh gay g ả t. B ả o v ả và phát tri ển uy ết tín, th ợ ng hi ệu phân bón Phú M ả.
- T ỉ p ả t ả ch ỉ o th ực hi ệ n chi ả n l ậ, k ế ho ạ ch ỉ phát tri ển ngu ầ n nh ậ n l ậ nh ậ m nâng cao ch ả t ả l ợ ng, n ợ ng su ả t lao ợ ng, ả p ả ng y ết c ả u phát tri ển c ả Công ty.

- Quan tâm và bảo vệ quy định pháp luật cho công đồng và thực hiện các nhiệm vụ khác khi HC giao.
- Check và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chi ngân sách phí năm 2024.
- Phát triển doanh nghiệp vì lợi ích môi trường và trách nhiệm xã hội, làm báo hài hòa lợi ích các công đồng.

Trên đây là báo cáo về công tác quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của HĐQT Công ty. HĐQT cam kết sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, đáp ứng sự mong đợi các công đồng, đem lại lợi ích cao nhất cho PVFCCo – PSE.

Trân trọng.

N i nh n:

- HC ;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC T CH**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2024.

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG KẾT CÔNG VIỆC NĂM 2023**

**I. HO TÊN, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HO TÊN CỦA BAN
KIỂM SOÁT NĂM 2023.**

1. Họ tên của Ban Kiểm soát năm 2023:

- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí Đông Nam B (Công ty) do Hội đồng công đồng ngày 25 tháng 06 năm 2021 bầu gồm 3 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm 2021-2026.
- Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định của pháp luật hiện hành, nội quy của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát Hội đồng công đồng tổng kết năm 2023 thông qua.
- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã xây dựng chương trình công tác, triển khai các công việc của Ban Kiểm soát theo phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát; thực hiện 04 cuộc họp (vì sự tham gia ý kiến của các thành viên) triển khai công việc, thống nhất, thông qua kết quả kiểm tra, giám sát công việc các kiến nghị của Ban kiểm soát về việc hoạt động của Công ty. Các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát tập trung vào các vấn đề về toàn vẹn, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, về các nội dung chủ yếu:
 -) Giám sát việc thực thi Nghị quyết của Hội đồng công đồng năm 2023; giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty đã Hội đồng công đồng thông qua;
 -) Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 sau khi Hội đồng Cổ đông chấp thuận và thực hiện;
 -) Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị; công tác quản lý, điều hành Ban Giám đốc Công ty năm 2023;
 -) Tham dự các cuộc họp của HĐQT Công ty;
 -) Tham dự các cuộc họp triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty khi cần thiết;
 -) Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty;

-)] Th m nh Báo cáo tài chính 6 tháng u n m 2023 c a Công ty;
 -)] Th c hi n ki m tra t i Công ty theo các n i dung c a v n b n s 21/ NB-BKS ngày 10/05/2023 c a Ban ki m soát;
 -)] Giám sát vi c th c hi n, tuân th các quy nh qu n lý hi n hành trong các ho t ng c a Công ty;
 -)] Giám sát công tác ki m kê hàng hóa cu i n m 2023 t i các kho c a Công ty;
 -)] Các công vi c khác c a Ban ki m soát theo quy nh c a i u l Công ty và Lu t Doanh nghi p.
- Ban Ki m soát ã thông báo k t qu giám sát hàng tháng, quý v k t qu ki m tra c ng nh các ki n ngh n H QT, Giám c Công ty v tình hình ho t ng và tài chính c a Công ty qua các báo cáo giám sát hàng tháng, quý và các công v n, email. Các ki n ngh ch y u: theo dõi, ki m soát công n và thu h i y , k p th i các kho n n ph i thu khách hàng, c bi t là các kho n n ph i thu khách hàng v t h n m c theo quy nh c a Công ty; theo dõi, ki m soát ch t ch nh m c hàng t n kho theo quy nh c a Công ty; theo dõi sát tình hình th tr ng, ki m soát, b o qu n ch t l ng các m t hàng t n kho và có ph ng án tiêu th i v i các m t hàng t n kho tránh r i ro khi th tr ng không thu n l i, m b o hi u qu s d ng v n; ki m soát chi phí m t cách h p lý góp ph n nâng cao hi u qu kinh doanh.

2. Thù lao và chi phí ho t ng c a Ban ki m soát n m 2023:

Stt	Ch c danh	Thù lao	Ti n Th ng	T ng thu nh p
1	Ph m Hoài H ng - TB	42.000.000	-	42.000.000
2	Ph m Thành Long - TV	30.000.000	-	30.000.000
3	Lê Qu nh Chang - TV	30.000.000	-	30.000.000
	T ng c ng	102.000.000	-	102.000.000

II. K T QU HO T NG GIÁM SÁT N M 2023:

1. Giám sát vi c th c thi Ngh quy t H C c a Công ty

Th c hi n k ho ch n m 2023 c i h i ng c ông thông qua t i Ngh quy t s s 37/NQ- H C ngày 21/04/2023.

K t qu ho t ng n m 2023 c a Công ty nh sau:

STT	Ch tiêu	v tính	KH 2023 i u ch nh (*)	TH 2023	TH 2023/KH 2023
I	S n l ng	t n	320.800	321.600	100%
II	T ng Doanh thu	t ng	3.091	3.138	101%
III	T ng Chi phí	t ng	3.076	3.122	101%
IV	L i nhu n tr c thu	t ng	15	15,45	102%
V	L i nhu n sau thu	t ng	12	12,07	100%

(*) KH n m 2023 i u ch nh theo Ngh Quy t s 123/NQ-H QT ngày 28/12/2023 c a H QT Công ty.

2. K t qu th m nh Báo cáo tài chính:

- Vi c l p và trình bày Báo cáo tài chính phù h p v i chu n m c k toán, ch k toán doanh nghi p Vi t Nam và các quy nh pháp lý liên quan n vi c l p và trình bày báo cáo tài chính.
- Nhìn chung, Báo cáo tài chính c a Công ty ã ph n ánh trung th c, h p lý trên các khía c nh tr ng y u, tình hình tài chính c a Công ty t i th i i m 31/12/2023, c ng nh k t qu kinh doanh và l u chuy n ti n t cho n m tài chính 2023.

3. ánh giá ho t ng c a H i ng qu n tr và công tác qu n lý, i u hành Ban Giám c Công ty:

- Trong n m 2023, H i ng qu n tr ã t ch c các phiên h p và t ch c l y ý ki n b ng v n b n thông qua các v n liên quan n ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.
- Ban Giám c ã trin khai công tác s n xu t kinh doanh trên c s ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr và báo cáo k t qu th c hi n n H i ng qu n tr .
- Ho t ng c a H i ng qu n tr và công tác qu n lý, i u hành Ban Giám c bám sát Ngh quy t i h i ng c ông n m 2023, hoàn thành các ch tiêu K ho ch SXKD n m 2023 và mang l i l i ích cho c ông.

4. S ph i h p gi a Ban ki m soát v i H i ng qu n tr , Ban Giám c Công ty:

Trong quá trình th c hi n ch c n ng, nhi m v theo lu t nh, Ban Ki m soát ã làm úng ch c n ng, nhi m v theo quy nh, không gây c n tr n các ho t ng c a Công ty v i m c tiêu m b o l i ích c a c ông và s phát tri n c a Công ty. ng th i Ban ki m soát c ng nh n c s h tr t

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, ban trực thuộc của Công ty trong việc phối hợp, cung cấp các thông tin phục vụ công tác kiểm soát.

5. Kiến nghị

hoàn thành tất cả các nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Tuân thủ các quy định của Công ty cũng như các quy định pháp luật hiện hành trong các hoạt động của Công ty.
- Rà soát, cập nhật, sửa đổi các quy trình, quy định, quy chế nội bộ nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty; hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành và tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động giao dịch chứng khoán.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu và đầu tư bảo vệ môi trường, nhằm xây dựng các chính sách kinh doanh phù hợp với thị trường.
- Theo dõi, kiểm soát chi phí một cách hợp lý góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.
- Theo dõi tình hình thị trường, kiểm soát, bảo quản chất lượng hàng hóa tồn kho và có phương án tiêu thụ kịp thời các mặt hàng tồn kho tránh rủi ro khi thị trường không thuận lợi, nhằm bảo vệ hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Theo dõi, kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên rà soát, đánh giá năng lực tài chính của khách hàng và thu hồi nợ, kịp thời các khoản công nợ phải thu khách hàng.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Giám sát việc thực thi Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2024; giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty sau khi Hội đồng quản trị thông qua.
- Lập Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 trình Hội đồng quản trị thông qua và tổ chức thực hiện.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị; công tác quản lý, điều hành Ban Giám đốc Công ty năm 2024.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc và các cuộc họp triển khai hoạt động của Công ty khi cần thiết tham dự.
- Thẩm định báo cáo tài chính sáu tháng, năm 2024 của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định quản lý hiện hành trong các hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

IV. LỊCH TRÌNH NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Xét nghiệm, uy tín, kinh nghiệm và vị trí kiểm toán Báo cáo tài chính thể hiện theo quy định của pháp luật, dưới Công ty, Ban Kiểm Soát kinh doanh H C thông qua và ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong các đơn vị Kiểm toán sau đây thể hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 gồm: (i) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; (ii) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; (iii) Công ty TNHH Pricewaterhouse & Coopers Việt Nam.

N i nh n:

- H C ;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯNG BAN**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2024.

T TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính 2023; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và Kế hoạch năm 2024; Báo cáo thù lao, lương và các lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2023 và Kế hoạch năm 2024.

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B (sai, bổ sung) có hiệu lực công thông qua ngày 10/06/2022.
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2023 đã kiểm toán, Hội đồng quản trị (HQT) kính trình Hội đồng (HĐC) nội dung sau:
 1. Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán. (*đã kiểm CBTT ngày 12/03/2024*).
 2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 (theo phụ lục I đính kèm).
 3. Báo cáo thù lao, lương và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 (theo phụ lục II đính kèm).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC TH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
ĐÔNG NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Đức Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2024, từ trang 03 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lê Thu Phương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5603-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		259.011.778.101	293.415.890.948
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.474.026.491	39.125.014.106
1. Tiền	111		29.474.026.491	29.125.014.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.535.454.816	147.648.070.860
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	152.751.708.738	115.705.665.233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	43.783.746.078	30.437.117.956
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	1.505.287.671
III. Hàng tồn kho	140	7	32.997.457.641	103.272.667.856
1. Hàng tồn kho	141		33.566.187.720	110.296.493.100
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(568.730.079)	(7.023.825.244)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.839.153	3.370.138.126
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	4.839.153	91.261.154
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	3.278.876.972
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.139.085.241	20.848.323.251
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.000.000	150.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		150.000.000	150.000.000
II. Tài sản cố định	220		18.832.618.574	18.621.489.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.619.183.373	2.978.077.429
- Nguyên giá	222		36.857.229.514	35.877.787.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.238.046.141)	(32.899.710.285)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	15.213.435.201	15.643.411.687
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.994.391.799)	(4.564.415.313)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.156.466.667	2.076.834.135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3.156.466.667	2.076.834.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		281.150.863.342	314.264.214.199

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		114.918.063.364	138.939.500.640
I. Nợ ngắn hạn	310		114.365.954.864	138.096.527.140
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	43.351.039.263	56.684.561.505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	24.119.869.490	38.485.624.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	425.912.683	431.405.998
4. Phải trả người lao động	314		4.602.099.072	8.151.712.215
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		86.810.471	71.670.601
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	39.215.987.771	28.441.384.677
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.564.236.114	5.830.167.844
II. Nợ dài hạn	330		552.108.500	842.973.500
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	552.108.500	842.973.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.232.799.978	175.324.713.559
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	166.232.799.978	175.324.713.559
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.787.129.314	15.787.129.314
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.445.670.664	34.537.584.245
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.787.584.245	17.486.326.119
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.658.086.419	17.051.258.126
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		281.150.863.342	314.264.214.199

Phạm Thị Thu Hà
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	3.176.331.259.414	3.788.592.183.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	39.272.934.765	39.318.576.638
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	3.137.058.324.649	3.749.273.607.276
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	3.060.414.694.705	3.666.089.336.492
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		76.643.629.944	83.184.270.784
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		120.949.813	408.499.197
7. Chi phí tài chính	22		1.433.948.196	988.153.468
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.310.078.196	928.533.468
8. Chi phí bán hàng	25	21	37.643.289.142	43.342.354.924
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	22.401.270.196	21.355.281.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		15.286.072.223	17.906.979.821
11. Thu nhập khác	31	22	398.181.818	8.932.648.869
12. Chi phí khác	32		233.626.189	12.537.037
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		164.555.629	8.920.111.832
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.450.627.852	26.827.091.653
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	3.378.019.828	5.513.018.995
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.072.608.024	21.314.072.658
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	773	1.364

Phạm Thị Thu Hà
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.450.627.852	26.827.091.653
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.075.518.342	1.918.905.420
Các khoản dự phòng	03	(6.455.095.165)	7.023.825.244
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(438.000.000)	(780.408.288)
Chi phí lãi vay	06	1.310.078.196	928.533.468
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.943.129.225	35.917.947.497
Thay đổi các khoản phải thu	09	(45.608.506.984)	(104.039.438.872)
Thay đổi hàng tồn kho	10	76.730.305.380	79.309.535.442
Thay đổi các khoản phải trả	11	(37.785.447.885)	(7.206.446.980)
(Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
Thay đổi chi phí trả trước	12	(993.210.531)	(442.752.745)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.310.078.196)	(928.533.468)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.892.389)	(15.652.869.941)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.364.500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.044.953.335)	(7.104.693.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.725.154.715)	(20.147.252.401)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.721.397.400)	(1.387.859.036)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	438.000.000	371.909.091
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	-	405.211.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.283.397.400)	(610.738.419)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.642.435.500)	(6.964.467.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.642.435.500)	(6.964.467.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(9.650.987.615)	(27.722.458.320)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	39.125.014.106	66.847.472.426
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	29.474.026.491	39.125.014.106

Phạm Thị Thu Hà
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 18 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là PSE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP ("Tổng Công ty"). Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Công ty có văn phòng chính tại số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống các kho tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 62 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, hóa chất sử dụng trong công-nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây ăn quả, trồng cây lâu năm khác, trồng rau đậu các loại và trồng hoa; Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet; Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Dịch vụ đóng gói; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực Khoa học nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	9 - 10
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 9

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất vô thời hạn, trong đó giá trị phần mềm máy tính và giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất; quyền sử dụng đất vô thời hạn không phải trích khấu hao; phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính là 8 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền cho thuê văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, chi phí biển hiệu đại lý, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, chi phí biển hiệu đại lý không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định, được ghi nhận là các khoản trả trước và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	192.369	5.300.451
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.473.834.122	29.119.713.655
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<u>29.474.026.491</u>	<u>39.125.014.106</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	46.222.847.421	59.139.170.671
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	31.999.880.000	24.957.337.700
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Khoa	31.587.378.570	3.678.000.000
Công ty TNHH Như Linh	7.879.883.625	6.528.701.988
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tân Trí Phát	7.999.888.000	6.113.150.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	5.411.913.692	4.737.701.682
Các khách hàng khác	21.649.917.430	8.852.788.692
	<u>152.751.708.738</u>	<u>115.705.665.233</u>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 25)	5.612.529.876	4.737.701.682

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	42.704.557.454	27.401.037.458
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	-	1.715.500.000
Các nhà cung cấp khác	1.079.188.624	1.320.580.498
	<u>43.783.746.078</u>	<u>30.437.117.956</u>
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	42.797.235.989	27.775.400.456

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ dụng cụ	914.720.000	-	737.611.428	-
Hàng hoá	32.651.467.720	(568.730.079)	109.558.881.672	(7.023.825.244)
	33.566.187.720	(568.730.079)	110.296.493.100	(7.023.825.244)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng hóa đang thấp hơn giá gốc với số tiền là 568.730.079 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7.023.825.244 VND).

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 6.455.095.165 VND (năm trước: trích lập 7.023.825.244 VND).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.839.153	57.364.627
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	33.896.527
	4.839.153	91.261.154
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	1.444.592.752	575.439.342
- Chi phí biển hiệu đại lý	932.058.235	166.413.927
- Chi phí trả trước dài hạn khác	779.815.680	1.334.980.866
	3.156.466.667	2.076.834.135

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	28.200.720.133	128.128.000	5.340.960.981	2.207.978.600	35.877.787.714
Tăng trong năm	-	167.616.000	1.553.781.400	565.250.400	2.286.647.800
Thanh lý	-	-	(1.307.206.000)	-	(1.307.206.000)
Số dư cuối năm	28.200.720.133	295.744.000	5.587.536.381	2.773.229.000	36.857.229.514
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	27.120.081.959	128.128.000	3.710.586.477	1.940.913.849	32.899.710.285
Khấu hao trong năm	1.079.691.747	765.369	466.659.193	98.425.547	1.645.541.856
Thanh lý	-	-	(1.307.206.000)	-	(1.307.206.000)
Số dư cuối năm	28.199.773.706	128.893.369	2.870.039.670	2.039.339.396	33.238.046.141
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.080.638.174	-	1.630.374.504	267.064.751	2.978.077.429
Tại ngày cuối năm	946.427	166.850.631	2.717.496.711	733.889.604	3.619.183.373

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 32.087.433.915 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 21.638.211.462 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.509.165.313	55.250.000	4.564.415.313
Khấu hao trong năm	429.976.486	-	429.976.486
Số dư cuối năm	4.939.141.799	55.250.000	4.994.391.799
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	15.643.411.687	-	15.643.411.687
Tại ngày cuối năm	15.213.435.201	-	15.213.435.201

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 55.250.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 55.250.000 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	38.512.072.500	52.321.800.000
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Quảng cáo Mỹ Việt	-	984.907.512
Các nhà cung cấp khác	4.838.966.763	3.377.853.993
	43.351.039.263	56.684.561.505
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	38.609.344.266	52.386.033.000

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Kim Ngoan	6.100.568.175	-
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	5.571.438.090	24.205.652.205
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Trí Phát	3.332.752.775	5.030.702.300
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hoàn Thiện	2.353.850.000	3.058.925.625
Công ty TNHH Vương Kim Huệ	2.113.799.625	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Khoa	-	3.643.521.415
Các khách hàng khác	4.647.460.825	2.546.822.755
	24.119.869.490	38.485.624.300

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ khấu trừ trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.278.876.972	3.278.876.972	-	-
	3.278.876.972	3.278.876.972	-	-
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	126.302.537	284.934.078	393.442.146	17.794.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	99.142.856	20.892.389	78.250.467
Thuế thu nhập cá nhân	305.103.461	2.581.950.206	2.557.185.920	329.867.747
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	431.405.998	2.969.027.140	2.974.520.455	425.912.683

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền cổ tức phải trả	38.386.195.100	25.278.630.600
Phải trả, phải nộp khác	595.221.171	3.017.209.077
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	234.571.500	145.545.000
	39.215.987.771	28.441.384.677
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)		
	37.500.000.000	25.985.580.000
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	552.108.500	842.973.500
	552.108.500	842.973.500

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	15.787.129.314	48.736.326.119	189.523.455.433
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.314.072.658	21.314.072.658
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.262.814.532)	(4.262.814.532)
Chia cổ tức	-	-	(31.250.000.000)	(31.250.000.000)
Số dư cuối năm trước	125.000.000.000	15.787.129.314	34.537.584.245	175.324.713.559
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.072.608.024	12.072.608.024
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(2.414.521.605)	(2.414.521.605)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(18.750.000.000)	(18.750.000.000)
Số dư cuối năm nay	125.000.000.000	15.787.129.314	25.445.670.664	166.232.799.978

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 37/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, trong năm, Công ty đã tiến hành tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 2.414.521.605 VND, tương ứng với 20% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023.
- (ii) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 77/NQ-ĐNB ngày 11 tháng 9 năm 2023, theo đó, Công ty chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông với mức 15%/mệnh giá (1.500 VND/cổ phiếu) tương đương 18.750.000.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	75%
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	25%
	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	100%

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài và cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	3.600.000.000	3.600.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	6.900.000.000	10.500.000.000
	10.500.000.000	14.100.000.000

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng - Tòa nhà PVFCCo SBD Building với giá thuê 300.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Hợp đồng thuê này có thời hạn 5 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Cam kết cho thuê hoạt động

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng thu nhập cho thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	5.439.461.319	4.969.894.500
Trên 1 năm đến 5 năm	5.277.740.875	10.095.715.375
	10.717.202.194	15.065.609.875

Khoản thu cho thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền cho thuê văn phòng - Tòa nhà PVFCCo SBD Building với nhiều hợp đồng cho thuê có thời hạn từ 1 đến 3 năm.

Hàng hoá nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nhận giữ hộ hàng hóa là phân bón các loại của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP với số lượng 14.506,5 tấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.637,5 tấn).

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và số 19.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán phân bón	3.144.295.214.018	3.762.022.610.250
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.036.045.396	26.569.573.664
	3.176.331.259.414	3.788.592.183.914
Chiết khấu thương mại	39.272.934.765	39.318.576.638
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.137.058.324.649	3.749.273.607.276
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	26.844.087.198	17.899.926.309

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán phân bón	3.029.174.652.628	3.641.680.974.466
Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.240.042.077	24.408.362.026
	3.060.414.694.705	3.666.089.336.492

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.639.542.553	1.175.442.785
Chi phí nhân công	28.838.516.331	27.395.075.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	2.075.518.342 (6.455.095.165)	1.918.905.420 7.023.825.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.144.569.672	44.518.719.755
Chi phí khác bằng tiền	11.041.549.682	14.097.855.093
	91.284.601.415	96.129.823.962

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	16.277.627.688	15.391.793.678
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.639.542.553	1.175.442.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.490.149.135	1.449.431.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.838.084.373	13.021.226.645
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.397.885.393	12.304.460.720
	37.643.289.142	43.342.354.924

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

Chi phí nhân viên quản lý	10.522.285.733	9.982.940.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	585.369.207	469.474.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.238.294.426	9.109.472.679
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.055.320.830	1.793.394.373
	22.401.270.196	21.355.281.768

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng được biếu tặng	-	8.478.007.378
Khác	398.181.818	454.641.491
	398.181.818	8.932.648.869

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.357.127.439	5.513.018.995
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	20.892.389	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.378.019.828	5.513.018.995

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	15.450.627.852	26.827.091.653
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.335.009.345	738.003.323
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.335.009.345</i>	<i>738.003.323</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.785.637.197	27.565.094.976
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.357.127.439	5.513.018.995

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.072.608.024	21.314.072.658
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.414.521.605)	(4.262.814.532)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	9.658.086.419	17.051.258.126
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	773	1.364

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi là số tạm tính theo kết quả kinh doanh trong năm. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty có thể sẽ cần điều chỉnh tương ứng khi phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 chính thức được thông qua ở Nghị quyết phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2024.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết,
đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ tối cao
Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Các đơn vị cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.902.313.555	17.899.926.309
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	24.763.118.995	16.620.013.509
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	2.139.194.560	1.279.912.800
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	2.856.671.430.418	3.306.378.588.940
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	2.855.607.087.567	3.305.147.617.500
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	624.366.000	618.971.440
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	345.163.212	-
Công ty Bảo hiểm PVI Sài Gòn	94.813.639	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	612.000.000
Nhận chiết khấu thương mại	60.306.226.996	50.172.004.903
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	60.306.226.996	50.172.004.903
Nhận hàng khuyến mại	7.331.412.000	8.478.007.378
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	7.331.412.000	8.478.007.378
Nhận tiền hỗ trợ qua Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	2.364.500.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	2.364.500.000	-
Chia cổ tức	14.062.500.000	23.437.500.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	14.062.500.000	23.437.500.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.612.529.876	4.737.701.682
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	5.411.913.692	4.737.701.682
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	200.616.184	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	42.797.235.989	27.775.400.456
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	42.704.557.454	27.401.037.458
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	92.678.535	374.362.998
Phải trả người bán ngắn hạn	38.609.344.266	52.386.033.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	38.512.072.500	52.321.800.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	44.459.766	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	52.812.000	64.233.000
Phải trả ngắn hạn khác	37.500.000.000	25.985.580.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	37.500.000.000	25.985.580.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm nay VND
Hội đồng Quản trị		
Phạm Hùng - Chủ tịch HĐQT	1.056.865.174	1.090.778.702
Lê Đức Thuận - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.056.865.174	1.090.778.702
Nguyễn Tiến Sỹ - Phó Giám đốc	954.681.684	988.384.230
Trịnh Văn Chương - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 16 tháng 9 năm 2022)	-	741.428.209
Nguyễn Quang Tuấn - Ủy viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Hoài Hương - Trưởng Ban kiểm sát	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Thành Long - Thành viên Ban kiểm sát	30.000.000	30.000.000
Bà Lê Quỳnh Chang - Thành viên Ban kiểm sát	30.000.000	30.000.000
	3.170.412.032	4.061.369.843

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 38.386.195.100 VND (2022: 25.278.630.600 VND), là số cổ tức chia cho các cổ đông trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm 119.462.500.000 VND (năm trước: 101.097.105.000 VND) là các khoản đi vay có thời hạn thanh toán không quá 3 tháng.



Phạm Thị Thu Hà
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

PH L C I

PH NG ÁN PHÂN PH I L I NHU N N M 2023 VÀ K HO CH PHÂN PH I L I NHU N N M 2024

1. Ph ng án phân ph i l i nhu n n m 2023:

STT	Ch tiêu	Phân ph i l i nhu n n m 2023
1	L i nhu n n m tr c chuy n sang	15.787.584.245
2	L i nhu n sau thu 2023	12.072.608.024
3	Trích l p các qu t LNST 2023	2.414.521.605
3.1	<i>Qu khen th ng, phúc l i</i>	2.414.521.605
4	L i nhu n n m 2023 sau khi trích l p các qu	9.658.086.419
5	Chia c t c (8%)	10.000.000.000
6	C t c trên m i c phi u (VN /CP)	800
7	L i nhu n chuy n sang n m 2024	15.445.670.664

D ki n, Công ty s th c hi n chi tr c t c b ng t i n là 8%/m nh giá, t ng ng 800 ng/c phi u. N u ph ng án c thông qua s th c hi n chi c t c ngay sau H C th ng niên.

2. K ho ch phân ph i l i nhu n n m 2024:

- Chi c t c t l d ki n: 10%/ m nh giá c phi u.
- T l trích l p các qu t l i nhu n sau thu : 20% Qu khen th ng, phúc l i (t m trích).
- Trong tr ng h p l i nhu n sau thu th c hi n n m 2024 v t l i nhu n sau thu k ho ch n m 2024 c H C giao, cho phép Công ty c trích b sung Qu khen th ng, phúc l i v i m c trích 10% trên s l i nhu n ã th c hi n v t k ho ch 2024.

H QT kính trình H C Công ty bi u quy t thông qua Ph ng án phân ph i l i nhu n n m 2023 và k ho ch phân ph i l i nhu n n m 2024.

TM. H I NG QU N TR
CH T CH

PH L C II
BÁO CÁO L NG, THÙ LAO VÀ L I ÍCH KHÁC C A H I NG QU N TR ,
BAN KI M SOÁT N M 2023 VÀ K HO CH 2024

1. TÌNH HÌNH TH C HI N N M 2023:

- H i ng qu n tr (H QT): Bao g m 03 thành viên (01 Ch t ch H QT chuyên trách, 01 y viên H QT kiêm nhi m tham gia ban i u hành, 01 y viên H QT c l p);
- Ban ki m soát (BKS): Bao g m 03 thành viên BKS không chuyên trách;
- Báo cáo ti n l ng, thù lao và l i ích khác n m 2023, c th :

Stt	H và tên	Ch c danh	Ti n l ng	Thù lao	Th ng t Qu khen th ng và phúc l i			L i ích khác	T ng c ng	Ghi chú
					Th ng chung	Th ng BQL H	T ng th ng			
I. H i ng qu n tr :			1.961.771.723	48.000.000	537.792.033	-	537.792.033	361.152.631	2.908.716.387	
1	Ph m Hùng	Ch t ch H QT	968.592.263	-	261.211.441	-	261.211.441	168.929.131	1.398.732.835	
2	Lê c Thu n	UV. H QT, Giám c	993.179.460	-	276.580.592	-	276.580.592	192.223.500	1.461.983.552	
3	Nguy n Quang Tu n	UV.H QT c l p	-	48.000.000	-	-	-	-	48.000.000	
II. Ban ki m soát:			-	102.000.000	-	-	-	-	102.000.000	
1	Ph m Hoài H ng	Tr ng BKS kiêm nhi m	-	42.000.000	-	-	-	-	42.000.000	
2	Lê Qu nh Chang	Thành viên BKS kiêm nhi m	-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
3	Ph m Thành Long	Thành viên BKS kiêm nhi m	-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
T NG C NG			1.961.771.723	150.000.000	537.792.033	-	537.792.033	361.152.631	3.010.716.387	

2. K HO CH N M 2024:

- H i ng qu n tr (H QT): Bao g m 03 thành viên (01 Ch t ch H QT chuyên trách, 01 y viên H QT kiêm nhi m tham gia ban i u hành và 01 y viên H QT c l p);
- Ban ki m soát (BKS): Bao g m 03 thành viên BKS không chuyên trách;
- K ho ch t i n l ng, thù lao và l i ích khác n m 2024, c th :

Stt	H và tên	Ch c danh	T i n l ng	Thù lao	Th ng t Qu khen th ng			L i ích khác	T ng c ng	Ghi chú
					Th ng chung	Th ng BQL H	T ng th ng			
I. H i ng qu n tr			1.920.000.000	48.000.000	196.000.000	-	196.000.000	20.160.000	2.184.160.000	
1	Ph m Hùng	Ch t ch H QT	960.000.000	-	98.000.000	-	98.000.000	10.080.000	1.068.080.000	
2	Lê c Thu n	UV.H QT, G	960.000.000	-	98.000.000	-	98.000.000	10.080.000	1.068.080.000	
3	Nguy n Quang Tu n	UV.H QT c l p	-	48.000.000	-	-	-	-	48.000.000	
II. Ban ki m soát			-	102.000.000	-	-	-	-	102.000.000	
1	Ph m Hoài H ng	Tr ng BKS kiêm nhi m	-	42.000.000	-	-	-	-	42.000.000	
2	Ph m Thành Long	TV BKS kiêm nhi m	-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
3	Lê Qu nh Chang	TV BKS kiêm nhi m	-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
T NG C NG			1.920.000.000	150.000.000	196.000.000	-	196.000.000	20.160.000	2.286.160.000	

*Ghi chú: - T i n l ng, ph c p kiêm nhi m và th ng Ban qu n lý i u hành c tính theo ngu n n m tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2024.

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận chốt sổ kế toán các hợp đồng, giao dịch
của Công ty Phân bón và Hóa chất Dư khí - CTCP

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần
Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (LDN 2020);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt tại phiên họp Ban Giám đốc Công ty ngày 10/06/2022;

Nhằm đảm bảo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí – CTCP (sau đây gọi tắt là Công ty) thực hiện kịp thời và tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B kính trình Ban Giám đốc xem xét và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua chốt sổ kế toán về việc ký kết các hợp đồng, giao dịch không ghi nhận giá trị về các hoạt động mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, quản lý vận hành kho bãi, tòa nhà... của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí – CTCP.
- Ban Giám đốc Công ty quy định cho Ban Giám đốc Công ty thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí – CTCP thực hiện theo quy định của Ban Giám đốc Công ty.

Kính trình Ban Giám đốc xem xét, ban hành quy định thông qua.

Trân trọng!

Nơi này:

- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, HQT.

TM. BAN GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ
CHỨC VỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT ĐU KHÍ ÔNG NAM B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ- HC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2024

D t h o

NGH QUY T
Phiên h p i h i ng c ông th ng niên n m 2024

I H I NG C ÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐU KHÍ
ÔNG NAM B

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ nội quy hiện hành của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đu khí Ông Nam B đã có hiệu lực thông qua.
- Căn cứ Biên bản họp và kết quả bầu quy tắc thông qua các nội dung tại phiên họp hiệu lực thông qua thông qua năm 2024 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đu khí Ông Nam B ngày 10/04/2024.

QUY T NGH :

i u 1:

- 1.1 Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và các chỉ tiêu chính:
- | | | |
|--------------------------|---------|------|
| - Số lãi: | 320.800 | t n |
| - Doanh thu: | 3.091 | t ng |
| - L i nhu n tr c thu : | 15.15 | t ng |
| - L i nhu n sau thu : | 12.04 | t ng |
| - N p Ngân sách Nhà n c: | 6,39 | t ng |
| - T l chia c t c: | 8 | %. |
- 1.2 Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 và các chỉ tiêu chính:
- | | | |
|--------------------------|---------|------|
| - Số lãi: | 333.100 | t n |
| - Doanh thu: | 3.184 | t ng |
| - L i nhu n tr c thu : | 22,80 | t ng |
| - L i nhu n sau thu : | 18,24 | t ng |
| - N p Ngân sách Nhà n c: | 6,30 | t ng |
| - T l chia c t c: | 10 | %. |
- 1.3 Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị.
- 1.4 Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát.

1.5 Thông qua xu t l a ch n n v ki m toán Báo cáo tài chính n m 2024.

H C y quy n cho H i ng qu n tr Công ty xem xét, l a ch n m t trong các n v ki m toán mà Ban ki m soát ã xu t t i i h i th c hi n ki m toán Báo cáo tài chính n m 2024 c a Công ty:

- Công ty TNHH Deloitte Vi t Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Vi t Nam;
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Vi t Nam.

1.6 Thông qua Báo cáo tài chính n m 2023 ã c ki m toán b i Công ty TNHH Deloitte Vi t Nam.

1.7 Thông qua Ph ng án phân ph i l i nhu n n m 2023:

ST T	Ch tiêu	Phân ph i l i nhu n n m 2023
1	L i nhu n n m tr c chuy n sang	15.787.584.245
2	L i nhu n sau thu 2023	12.072.608.024
3	Trích l p các qu t LNST 2023	2.414.521.605
3.1	<i>Qu khen th ng, phúc l i</i>	2.414.521.605
4	L i nhu n n m 2023 sau khi trích l p các qu	9.658.086.419
5	Chia c t c (8%)	10.000.000.000
6	C t c trên m i c phi u (VN /CP)	800
7	L i nhu n chuy n sang n m 2024	15.445.670.664

1.8 Thông qua K ho ch phân ph i l i nhu n n m 2024:

- Chi c t c t l đ ki n: 10%/ m nh giá c phi u.
- Trích l p các qu t l i nhu n sau thu : 20% Qu khen th ng, phúc l i (t m trích).
- Trong tr ng h p l i nhu n sau thu th c hi n n m 2024 v t l i nhu n sau thu k ho ch n m 2024 c H C giao, cho phép Công ty c trích b sung Qu khen th ng, phúc l i v i m c trích 10% trên s l i nhu n ã th c hi n v t k ho ch 2024.

1.9 Thông qua báo cáo thù lao, ti n l ng, th ng và l i ích khác c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát n m 2023 và đ toán n m 2024:

- Báo cáo th c hi n n m 2023: **3.010.716.387** ng
- Đ toán n m 2024: **2.286.160.000** ng

1.10 Thông qua ch tr ng v vi c ký k t các h p ng, giao d ch không gi i h n giá tr i v i các ho t ng mua bán hàng hóa, cung c p đ ch v , qu n lý - v n hành kho bãi, tòa nhà... v i T ng Công ty Phân bón và Hóa ch t Đ u khí – CTCP và y quy n cho H i ng qu n tr Công ty thông qua vi c ký k t các h p ng, giao d ch v i T ng Công ty Phân bón và Hóa ch t Đ u khí – CTCP thu c th m quy n c a i h i ng c ông.

(Chi tiết các nội dung quy định : theo tài liệu phiên họp hội đồng công).

điểm 2: Nghị quy định này có hiệu lực kể từ ngày công bố hội đồng thông qua, ngày 10/04/2024.

điểm 3: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Trưởng các phòng, nhân viên trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quy định này.

Nội dung:

- Nội dung 3;
- UBCKNN, SGDCCKHN (CBTT)
- Luật VT, HQT, HM.01.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHÍNH QUẢN**

Phạm Hùng